

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP TỈNH BẮC NINH VÀ TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; số 150-KL/TW hướng dẫn xây dựng phương án nhân sự cấp ủy tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập và cấp xã thành lập mới; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi phối hợp với UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Giang trình Chính phủ Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 về đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kết luận số 137-KL/TW

ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Sau 28 năm, cùng tách ra từ tỉnh Hà Bắc, những năm gần đây cả hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh đều có bước phát triển rất mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, công nghiệp, dịch vụ thương mại, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Năm 2024, tỉnh Bắc Ninh có tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 232,8 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 6,03%. GRDP bình quân đầu người năm 2024 của tỉnh Bắc Ninh ước đạt 150,5 triệu đồng/người (tương đương 6.010 USD/người), gấp 1,3 lần bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, khu vực Công nghiệp và Xây dựng chiếm 70,3%; khu vực Dịch vụ chiếm 22,34%; khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 3,02%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,34%. Thu ngân sách nhà nước đạt 33.169 tỷ đồng. Chi ngân sách địa phương 21.046 tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước 75,9 tỷ USD. Bắc Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển trở thành thành phố trực thuộc Trung ương tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 nên cần được mở rộng không gian phát triển, sắp xếp với Bắc Giang là phù hợp nhất.

Tỉnh Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.895,89 km², dân số 2.057.918 người, năm 2024: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 207 nghìn tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 13,87%, đứng đầu cả nước. GRDP bình quân đầu người đạt 4.370 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp; trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 67,5%; dịch vụ chiếm 20,7%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 11,8%. Thu ngân sách nhà nước đạt 20.699,5 tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 60 tỷ USD. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 16 KCN và 55 CCN đã được thành lập, tổng diện tích 6.013 ha, đã giải quyết việc làm cho 342.000 lao động, trong đó lao động ngoài tỉnh khoảng 90.000 lao động nên còn rất nhiều dư địa để phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ... Do đó, việc sắp xếp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang là phù hợp với yếu tố lịch sử, văn hóa truyền thống, quy mô, cơ cấu kinh tế, định hướng phát triển đảm bảo phù hợp các yếu tố:

1. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại các Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 về sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025.

2. Tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang có nhiều nét tương đồng về phong tục, tập quán, văn hóa do cùng có chung nguồn gốc lịch sử, được tách ra, nhập vào qua một số lần (*năm 1831 là tỉnh Bắc Ninh, năm 1895 tách ra thành hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, năm 1962 hợp nhất tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc, năm 1997 tách ra thành hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang*). Là 2 tỉnh nổi bật ở phía Bắc Việt Nam với nhiều tiềm năng, lợi thế và vị trí chiến lược. Sau khi được hợp nhất sẽ là điều kiện để vươn mình, đột phá phát triển với vị trí nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế lớn Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh cùng với hành lang xuyên Á quan trọng từ Nam Ninh (Trung Quốc) đến Singapore. Địa hình của tỉnh Bắc Ninh tương đối bằng phẳng, sau khi được hợp nhất với tỉnh Bắc Giang, địa hình của tỉnh mới có sự chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng, vùng trung du và vùng núi cao là điều kiện tốt để mở rộng không gian quy hoạch, phát triển kinh tế-xã hội phù hợp từng ngành nghề, lĩnh vực, loại hình sản xuất cả công nghiệp và nông nghiệp. Sau sáp nhập tỉnh sẽ có một nguồn nhân lực trẻ, năng động và có năng lực, với lượng dân số trong độ tuổi lao động đạt tỷ lệ cao là nguồn cung cấp lao động cho các khu, cụm công nghiệp đang hoạt động của Bắc Giang và Bắc Ninh.

3. Hai tỉnh cùng có vị trí chiến lược, nằm trong vùng Tam giác phát triển kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, sau sáp nhập 02 tỉnh sẽ là điều kiện thuận lợi để tỉnh Bắc Ninh (mới) phát triển trở thành một trong những trung tâm kinh tế hàng đầu của cả nước, tiếp tục được thu hút đầu tư và phát triển kinh tế mạnh mẽ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Phần II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH BẮC NINH VÀ TỈNH BẮC GIANG

Tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang cùng có chung nguồn gốc lịch sử, là vùng đất cổ của Việt Nam đã được chứng kiến rất nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như tên gọi của mình.

Thời Hùng Vương - An Dương Vương Bắc Ninh, Bắc Giang là đất thuộc bộ Vũ Ninh, trong nhà nước Văn Lang - Âu Lạc (một Bộ lớn, có đến 1/3 số Bộ lạc của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc thuộc Bộ Vũ Ninh).

Thời kỳ Bắc thuộc Bắc Ninh, Bắc Giang, thuộc hai huyện lớn (Luy Lâu và Long Biên) của quận Giao Chỉ, sau đổi là Châu Giao. Trị sở của quận đóng ở Luy Lâu (nay thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), là trung tâm hành chính, trung tâm kinh tế - thương mại của Châu Giao. Đô thị Luy Lâu là đô thị cảng mang tính quốc tế. Luy Lâu còn là Trung tâm Phật giáo, Trung tâm Nho giáo lớn và đầu tiên của nước ta.

Thời nhà Đinh, tiền Lê từ năm 979, đất Bắc Ninh, Bắc Giang là một trong 10 đạo với tên gọi là đạo Bắc Giang, rồi lộ Bắc Giang năm 1040 (lấy theo tên của sông Đuống thời đó). Sang thời nhà Lý, lộ Bắc Giang được đổi là quận Gia Lâm. Đến thời Trần, năm 1241 được lấy lại tên là lộ Bắc Giang và về sau được gọi là lộ Kinh Bắc.

Sau khi đánh thắng quân Minh, đầu thời Lê (năm 1428), Bắc Ninh, Bắc Giang thuộc Bắc Đạo, một trong năm đạo thời kỳ đó. Năm 1435, đất Bắc Ninh, Bắc Giang được chia làm 02 lộ: Lộ Bắc Giang thượng (phủ Lạng Giang) và lộ Bắc Giang hạ (phủ Bắc Giang). Năm 1466, trong nước chia làm 12 đạo thừa tuyên, đất Bắc Ninh, Bắc Giang được sát nhập từ hai lộ Bắc Giang thượng và Bắc Giang hạ và gọi là thừa tuyên Bắc Giang. Đến năm 1469, nhà Lê hoạch định bản đồ cho cả nước, thừa tuyên Bắc Giang đã được đổi thành thừa tuyên Kinh Bắc, bao gồm 04 phủ và 20 huyện.

Năm 1490, thừa tuyên Kinh Bắc được đổi là xứ Kinh Bắc và năm 1509 lại được gọi là trấn Kinh Bắc. Tên trấn Kinh Bắc được dùng trong nước suốt từ năm 1509 cho tới hết thời Nguyễn Gia Long.

Sang thời Minh Mạng, năm 1822, trấn Kinh Bắc được đổi tên là trấn Bắc Ninh và đến năm 1831 được gọi là tỉnh Bắc Ninh với 21 huyện, diện tích khoảng 6.000km², dân số khoảng 70 vạn người.

Tháng 10 năm 1895, thực dân Pháp chia tỉnh Bắc Ninh thành hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, lấy sông Cầu làm địa giới:

- Tỉnh Bắc Giang bao gồm phủ Lạng Giang, phủ Đa Phúc và các huyện Kim Anh, Yên Dũng, Phượng Nhãn, Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Thế và một số tổng nằm ở phía nam sông Lục Nam. Tỉnh lỵ là Phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang). Năm 1896, phủ Đa Phúc và huyện Kim Anh chuyển về tỉnh Bắc Ninh.

- Tỉnh Bắc Ninh có 03 phủ, 08 huyện: Phủ Từ Sơn, Phủ Thuận Thành, Phủ Tây Sơn. Các huyện: Gia Lâm, Văn Giang, Gia Bình, Lang Tài, Quế Dương, Võ Giàng, Tiên Du, Yên Thành; dưới cấp huyện có các Tổng (như cấp xã hiện nay).

Ngày 01/01/1963, tỉnh Bắc Giang nhập với tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc, bao gồm 2 thị xã: thị xã Bắc Giang (tỉnh lỵ) và thị xã Bắc Ninh, với 16 huyện: Gia Lương, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn, Quế Dương, Sơn Động, Tân Yên, Thuận Thành, Tiên Du, Từ Sơn, Việt Yên, Võ Giàng, Yên Dũng, Yên Phong và Yên Thế.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Hà Bắc được tách thành 02 tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang:

- Tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 822,72 km², dân số gần 1 triệu dân, gồm 5 huyện: Quế Võ, Yên Phong, Tiên Sơn, Thuận Thành, Gia Lương và thị xã Bắc Ninh (tỉnh lỵ). Toàn tỉnh có ... xã, phường, thị trấn.

- Tỉnh Bắc Giang có diện tích tự nhiên là 3.895,89 km², dân số 1,6 triệu người, 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thị xã Bắc Giang và 9 huyện, trong đó có 6 huyện miền núi: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên, 1 huyện vùng cao Sơn Động và 2 huyện trung du, đồng bằng Hiệp Hòa, Việt Yên. Toàn tỉnh có 230 xã, phường, thị trấn.

Từ năm 1997 đến nay, địa giới cấp tỉnh luôn ổn định, song có thay đổi nhiều lần về tên gọi và địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện, đến nay tỉnh Bắc Ninh có 02 thành phố, 02 thị xã, 04 huyện và 121 đơn vị hành chính cấp xã (50 phường, 05 thị trấn, 66 xã) và tỉnh Bắc Giang có 01 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện và 192 đơn vị hành chính cấp xã (35 phường, 14 thị trấn, 143 xã).

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP

A. TỈNH BẮC GIANG

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Bắc Giang nằm ở tọa độ địa lý từ 21⁰⁰7' đến 21⁰³7' vĩ độ bắc, từ 105⁰⁵3' đến 107⁰²' kinh độ đông. Bắc Giang là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, phía Nam giáp các tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương, phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt phía Tây Nam giáp Thủ đô Hà Nội. Bắc Giang nằm trên hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng; Lạng Sơn - Nam Ninh (Trung Quốc), liền kề vùng kinh tế trọng điểm của Miền Bắc. Tỉnh có 10 ĐVHC cấp huyện gồm: Thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên, thị xã Chũ và 07 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên, Hiệp Hòa. Trung tâm tỉnh là thành phố Bắc Giang là trung tâm hành chính của tỉnh, cách Thủ đô Hà Nội 50 km; cách cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) 110 km; cách sân bay quốc tế Nội Bài 50 km; cách cảng biển Hải Phòng và cảng biển nước sâu Cái Lân - Quảng Ninh 130 km.

Địa hình Bắc Giang gồm 2 tiểu vùng miền núi và trung du có đồng bằng xen kẽ. Với đặc điểm địa hình đa dạng (cả đồng bằng, trung du và miền núi) là điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp đa dạng sinh

học, với nhiều cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường.

2. Diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc

Tỉnh Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.895,89 km²; quy mô dân số 2.057.918 người; số ĐVHC trực thuộc gồm 10 ĐVHC cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 07 huyện); 192 ĐVHC cấp xã (35 phường, 14 thị trấn, 143 xã).

3. Chức năng, vai trò

Nằm ở vị trí chiến lược quan trọng, tỉnh Bắc Giang luôn được coi là "phên dậu", là một trong "tứ trấn" trọng yếu của Thăng Long - Hà Nội. Ngay từ buổi đầu dựng nước, vùng đất Bắc Giang đã thường xuyên là địa bàn diễn ra chiến sự ác liệt, chống ngoại bang xâm lược; do đó, nơi đây đã sớm hun đúc truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm kiên cường, bất khuất. Hầu hết các trận quyết chiến chiến lược đập tan các đạo quân xâm lược phương Bắc, từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, đến cuộc kháng chiến chống quân Tống của Lý Thường Kiệt, chống quân Nguyên - Mông của Nhà Trần, chống quân Minh của Nhà Lê, chống quân Thanh của Nhà Nguyễn... đều diễn ra trên mảnh đất này. Và đến khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Giang, nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp, như: Cuộc khởi nghĩa của Cai Biều năm (1884 - 1891) ở Bảo Lộc (Lạng Giang); Cuộc khởi nghĩa của Lưu Kỳ và Hoàng Thái Nhân năm (1884 - 1894) ở Lục Ngạn... Và điển hình là Cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế, do Lương Văn Nắm và Hoàng Hoa Thám lãnh đạo chống thực dân Pháp kéo dài ngót 30 năm từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Cuộc khởi nghĩa đã giành được chính quyền ở một vùng rộng lớn và thu hút đông đảo nhân dân ở các tỉnh như Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Hà Nội... tham gia. Trải qua các cuộc khởi nghĩa đó, những tên người: Thánh Thiên, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn, Hoàng Hoa Thám..., luôn gắn liền với những địa danh trên vùng đất Bắc Giang, viết lên những trang sử vàng chói lọi, đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc trong công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm; bảo vệ nền độc lập, tự do.

Cùng với tinh thần thượng võ, Bắc Giang còn có truyền thống văn hoá và hiếu học từ lâu đời. Truyền thống văn hoá ấy biểu hiện qua các sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng tôn giáo; mà sự phản ánh rõ nét nhất là các lễ hội, lễ làng hàng năm. Đến nay toàn tỉnh có hàng trăm lễ hội và hàng nghìn công trình kiến trúc cổ hết sức đặc sắc, với nhiều loại hình lớn nhỏ khác nhau như: Đình, đền, chùa, miếu...; điển hình như đình Lỗ Hạnh (Hiệp Hoà), đình Phù Lão (Lạng Giang), chùa Vĩnh Nghiêm (thành phố Bắc Giang), chùa Bồ Đà (Việt Yên)... Việc tìm thấy ở Bắc Giang các di chỉ từ thời đồ đá cũ, đến thời đại kim khí, liên mạch suốt chiều dài lịch sử; chứng tỏ con người trên mảnh đất này từ ngàn xưa đã có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo để xây dựng cuộc sống, xây dựng quê hương. Ngoài nghề nông, từ xa xưa, Bắc Giang đã hình thành những làng nghề thủ công truyền thống nổi tiếng, như: Gốm Thổ Hà, rượu làng

Vân, bánh đa Kề, đan lát Phúc Tăng, rèn sắt Đức Thắng, Ninh Khánh, Đa Mai... Người Bắc Giang không chỉ giỏi làm ruộng, mà còn thạo buôn bán. Từ thời phong kiến, trên đất Bắc Giang đã xuất hiện những chợ, những trung tâm trao đổi hàng hoá như: chợ Thổ Hà (Việt Yên), chợ Đức Thắng (Hiệp Hoà), chợ Đình Kề (thành phố Bắc Giang), chợ Vô Tranh (Lục Nam), chợ Hữu Mục (Tân Yên)...

Truyền thống khoa bảng của Bắc Giang cũng nổi danh trong cả nước. Trải qua 844 năm khoa cử của các triều đại phong kiến, Bắc Giang có 58 người đỗ từ tiến sĩ đến trạng nguyên, xếp thứ 8 trong các tỉnh, thành có người đỗ tiến sĩ của cả nước, trong đó có 3 trạng nguyên: Đào Sư Tích, Đoàn Xuân Lôi và Giáp Hải. Đã có những làng được gọi là làng tiến sĩ, như làng tiến sĩ Yên Ninh (Việt Yên), làng tiến sĩ Song Khê (Yên Dũng). Có nhiều danh sĩ nổi tiếng tham gia chốn quan trường, giữ nhiều vị trí quan trọng, nhưng vẫn giữ được phẩm hạnh, khí tiết, đóng góp cho đất nước về nhiều mặt, làm rạng rỡ tên tuổi quê hương. Đó là trạng nguyên Đào Sư Tích; tiến sĩ Thân Nhân Trung; trạng nguyên Giáp Hải... Trong đó, tiến sĩ Thân Nhân Trung với câu nói nổi tiếng: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia ...", đã trở thành một trong những phương châm dựng nước từ bao đời nay.

Đặc biệt, từ khi có Chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường và dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, mà trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm kiên cường, bất khuất của nhân dân các dân tộc Bắc Giang lại được nhân lên. Phong trào cách mạng trong tỉnh liên tục có bước phát triển; nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang đã tích cực ủng hộ cách mạng, nhất tề đứng lên, tạo thành cao trào khởi nghĩa. Chỉ trong một thời gian ngắn, cả hệ thống chính quyền của địch đã sụp đổ, chính quyền cách mạng lần lượt được thành lập. Bắc Giang là một trong những tỉnh tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công sớm nhất trong toàn quốc; góp phần đập tan ách thống trị của thực dân Pháp, chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở Việt Nam. Sau khi giành được chính quyền, quân và dân tỉnh Bắc Giang lại tích cực tham gia 2 cuộc kháng chiến trường kỳ, vĩ đại của dân tộc.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, với khẩu hiệu "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng*", Đảng bộ và nhân dân Bắc Giang đã huy động hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong ra mặt trận; đóng góp hàng triệu ngày công phục vụ tiền tuyến, hàng vạn tấn lương thực, thực phẩm để nuôi quân đánh giặc... góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu".

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, quân và dân Bắc Giang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tích cực đóng góp sức người, sức của tham gia kháng chiến. Trong những năm đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá miền Bắc; Bắc Giang là một địa bàn trọng điểm. Quân và dân Bắc Giang đã anh dũng chiến đấu, bắn hạ được 162 máy bay, tiêu diệt và bắt sống 92 giặc lái.

Dưới làn bom đạn của quân thù, nhân dân toàn tỉnh thi đua, thực hiện thắng lợi khẩu hiệu: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"... Trong cuộc kháng chiến ấy, hàng vạn người con Bắc Giang đã hy sinh anh dũng; làm vẻ vang truyền thống quê hương Bắc Giang cách mạng kiên cường.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, 20 năm chống đế quốc Mỹ; mặc dù giặc càn quét, cướp bóc, đốt phá ...; nhân dân Bắc Giang vẫn bám chắc ruộng đồng, địch đến thì đánh, địch đi lại tiếp tục sản xuất. Những khẩu hiệu "Lao động là vinh quang", "Tắc đất, tắc vàng", "Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt", "Tay cày, tay súng", "Tay búa, tay súng"... đã được toàn dân hưởng ứng, thực hiện đạt kết quả tốt.

Phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sau khi thống nhất đất nước, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Bắc Giang đã chủ động vượt qua mọi khó khăn, thử thách, cùng với cả nước bước vào thời kỳ đổi mới với những thành tựu quan trọng đã đạt được, nhất là từ khi tỉnh Bắc Giang được tái lập (1997) đến nay. Năm 2024, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 13,9%, cao nhất cả nước. Trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 17,9% (công nghiệp tăng khoảng 20,2%, xây dựng giảm 5,0%); dịch vụ tăng khoảng 6,8%; nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm khoảng 3,3%, thuế sản phẩm tăng khoảng 11%. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm và có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố, giữ vững.

Nằm ở vị trí thuận lợi, Bắc Giang có hệ thống giao thông thuận tiện, gồm đường bộ, đường sông và đường sắt: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn; Đường tỉnh 398 kết nối cao tốc Hà Nội - Bắc Giang với cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; Quốc lộ 17 kết nối Bắc Giang với khu công nghiệp (KCN) Quế Võ - Bắc Ninh, Quốc lộ 18 đi Quảng Ninh, Hải Phòng; Quốc lộ 37 kết nối Bắc Giang đi Thái Nguyên... các tuyến đường sông: sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam; tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn (*thông thương sang Trung Quốc qua cửa khẩu Hữu Nghị*), tuyến Kép - Bãi Cháy, Quảng Ninh nên Bắc Giang là vùng trọng điểm về phát triển công nghiệp của các tỉnh trung du miền núi phía bắc, toàn tỉnh hiện có 16 KCN và 55 CCN đã được thành lập, tổng diện tích 6.013 ha, đã giải quyết việc làm cho 3.42.000 lao động, trong đó lao động ngoài tỉnh khoảng 90.000 lao động.

Bắc Giang có quy mô dân số 2.057.918 người, trong đó dân số ở độ tuổi lao động gần 1 triệu người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 74% là nguồn bổ sung lực lượng lao động quan trọng phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây là một nguồn lực dồi dào so với các địa phương lân cận, lợi thế phục vụ phát triển kinh tế; có cơ cấu dân số số trẻ, kỳ vọng sẽ hấp thụ tốt sự tiến bộ khoa học và kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống các trường đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề tăng cả về số lượng, qui mô học sinh, chất lượng và hình thức đào tạo. Mạng lưới và quy mô các cơ sở dạy nghề tiếp tục được phát triển theo hướng xã hội hóa. Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 trường Đại học, 05 trường Cao đẳng, 06 trường Trung cấp chuyên nghiệp và 25 Trung tâm, cơ sở đào tạo nghề. Trong đó có 02 trường Cao đẳng nghề chất lượng cao là: Cao đẳng kỹ thuật Công nghiệp và Cao đẳng nghề Công nghệ Việt Hàn.

Với những thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nguồn lao động nói trên, Bắc Giang có tiềm năng, lợi thế rất lớn để phát triển kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ ở phía khu vực phía Đông bắc của tổ quốc.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

4.1. Về phát triển kinh tế

4.1.1. Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Với quyết tâm đẩy nhanh quá trình phục hồi phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19. Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang đã có những thay đổi căn bản về mọi mặt kinh tế - xã hội, tập trung phát triển kinh tế, trong đó xác định Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, hiện toàn tỉnh có 16 KCN và 55 CCN đã được thành lập, tổng diện tích 6.013 ha, đã giải quyết việc làm cho 342.000 lao động, trong đó lao động ngoài tỉnh khoảng 90.000 lao động.

Kinh tế của tỉnh duy trì đà phục hồi mạnh mẽ trong điều kiện khó khăn, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2022-2024 đạt 16%/năm, luôn đứng đầu vùng Trung du và Miền núi phía bắc, thuộc nhóm các tỉnh có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước, trong đó năm 2022 đạt 19,3%, đứng thứ 2, năm 2023 đạt 14,99%, đứng thứ nhất và năm 2024 đạt 13,9%, đứng đầu cả nước. Quy mô GRDP năm 2024 (giá hiện hành) đạt 207 nghìn tỷ, gấp 1,6 lần năm 2021, đứng thứ 12 cả nước; GRDP bình quân đầu người năm 2024 đạt 4.370 USD. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 32,5%. Thu hút đầu tư trong 3 năm 2022, 2023, 2024 trên 7,04 tỷ USD, nguồn vốn FDI Bắc Giang luôn đứng trong top 10 của cả nước, trong đó năm 2023 đứng thứ 3/63 tỉnh, thành phố.

Cơ cấu kinh tế dịch chuyển mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp; trong đó Công nghiệp - xây dựng chiếm 67,5% (*Công nghiệp chiếm 61,9%, xây dựng chiếm 5,6%*); dịch vụ (bao gồm cả thuế sản phẩm) chiếm 20,7%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,8%. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch mạnh từ lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Năm 2024, tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp xây dựng chiếm 50,6%, ngành dịch vụ chiếm 25,1% và ngành nông, lâm nghiệp thủy sản chiếm 24,3%.

4.1.2. Về phát triển các ngành sản xuất

a) Về phát triển công nghiệp - xây dựng

Ngành công nghiệp - xây dựng duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, công nghiệp đã khẳng định là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng ngành đạt 21,1%/năm (riêng ngành công nghiệp tăng 23,84%/năm).

- Về sản xuất công nghiệp: Tỉnh xác định công nghiệp tiếp tục là trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; đồng bộ với phát triển đô thị, dịch vụ để tạo ra “hệ sinh thái công nghiệp”. Chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp được nâng lên; công tác lập và quản lý quy hoạch phát triển công nghiệp được chú trọng; hệ thống hạ tầng khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang phát triển khá toàn diện; UBND tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN, nhà đầu tư, nhất là những vướng mắc về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính, quan tâm thu hút đầu tư hạ tầng các KCN, CCN. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 16 KCN và 55 CCN đã được thành lập, tổng diện tích 6.013 ha, đã giải quyết việc làm cho 342.000 lao động, trong đó lao động ngoài tỉnh khoảng 90.000 lao động; đồng thời, hạ tầng giao thông kết nối và các hạ tầng phụ trợ khác cũng được đầu tư đồng bộ. Nhờ đó, kết quả thu hút đầu tư trong các KCN, cụm công nghiệp (CCN) đạt kết quả tích cực, bước đầu thu hút được các dự án có tính chất dẫn dắt, hoạt động hiệu quả.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2022 tăng 31,5%, năm 2023 tăng 20,36%, năm 2024 tăng 30,0%. Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp (*giá hiện hành*) năm 2024 đạt 684.397 tỷ đồng, vượt 3,0 kế hoạch. Khu vực DN FDI vẫn là khu vực đóng góp chính vào phát triển công nghiệp của tỉnh; GTSX khu vực này đạt hơn 600.231 tỷ đồng, tăng 29,9% so với năm 2023 chiếm 88% khu vực DN ngoài nhà nước đạt 73.083 tỷ đồng, chiếm 10%; khu vực DN nhà nước đạt 11.082 tỷ đồng, tăng 0,7% chiếm xấp xỉ 2%.

Trong các KCN có 506 DN đăng ký thành lập, tăng 32 DN so với năm 2023, trong đó có 456 DN đã đi vào hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tổng giá trị sản xuất của các DN trong KCN năm 2024 đạt 583.382 tỷ đồng (*chiếm 85%*).

- Về xây dựng: năng lực ngành xây dựng của tỉnh ngày càng nâng lên; năm 2024, quy mô giá trị sản xuất đạt trên 41.738 tỷ đồng. Nhiều công trình, dự án trọng điểm có quy mô lớn được triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thay đổi diện mạo từ đô thị đến nông thôn. Công tác quản lý đầu tư xây dựng được tăng cường, chất lượng công trình xây dựng được nâng lên.

b) Về thương mại - dịch vụ:

Dịch vụ tiếp tục phát triển đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường và sự phát triển cân đối với các ngành kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành bình quân giai đoạn 2022-2024 đạt 7,5%/năm; giá trị sản xuất tăng bình quân đạt 10,5%/năm (giá so sánh 2010); năm 2024 (giá hiện hành) đạt trên 63 nghìn tỷ

đồng. Kim ngạch xuất khẩu tăng cao, tổng giá trị xuất, nhập khẩu năm 2024 đạt 43,7 tỷ USD (trong đó, xuất khẩu đạt 22,6 tỷ USD, nhập khẩu 21,1 tỷ USD), tốc độ tăng bình quân đạt 40,2%/năm.

Tỉnh đã tập trung quy hoạch và đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng dịch vụ theo hướng đồng bộ, hiện đại, phát huy lợi thế về vị trí trung chuyển hàng hoá; đưa vào khai thác cảng đường sắt liên vận Kép, triển khai quy hoạch, các bước quy trình đầu tư phát triển khu dịch vụ tổng hợp logistic, ICD, sân golf... Tập trung đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại; chú trọng tìm kiếm thị trường xuất khẩu các nông sản chủ lực của tỉnh. Quan tâm làm tốt công tác quản lý thị trường, giá cả; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

Kết cấu hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải tiếp tục phát triển nhanh, chất lượng hoạt động được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu lưu thông hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm và thông tin, liên lạc, đi lại của người dân. Hệ thống các tổ chức tín dụng phát triển nhanh, đóng góp tích cực vào kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các dịch vụ giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật, bảo hiểm... tiếp tục phát triển phong phú, đa dạng; du lịch chuyển biến tích cực.

c) Về phát triển nông - lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển toàn diện theo hướng hiện đại dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch; thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, điều kiện dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch COVID-19; khẳng định là trụ đỡ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh. Đã phát huy điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng, khí hậu, gắn với đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, trình độ thâm canh trong sản xuất, từng bước gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị nông sản hàng hóa của tỉnh. Quan tâm làm tốt công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Đã tổ chức triển khai, kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng GRDP toàn ngành bình quân giai đoạn 2022-2024 đạt 0,5%/năm.

Quan tâm chỉ đạo phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, các hàng hóa chủ lực có chất lượng; thủy sản phát triển theo hướng thâm canh, bán thâm canh và theo hướng VietGAP, an toàn sinh học. Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo; diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được bảo vệ nghiêm ngặt.

Xây dựng nông thôn mới phát triển mạnh mẽ, trong nhóm dẫn đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Hết năm 2024, toàn tỉnh có 6 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 87,36% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Hiệu quả

mang lại từ phong trào xây dựng nông thôn mới đã tác động tích cực đến đời sống người dân và diện mạo của vùng nông thôn.

4.1.3. Về thu, chi ngân sách

Thu, chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ. Đã triển khai nhiều giải pháp quản lý nguồn thu, nhất là thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 đạt 20.699,5 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 18.304,2 tỷ đồng; thu thuế xuất nhập khẩu 2.395,3 tỷ đồng. Chi ngân sách được chỉ đạo điều hành, quản lý chặt chẽ, theo đúng dự toán, tiết kiệm, hiệu quả. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước có chuyển biến tích cực, theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên.

4.2. Về phát triển văn hóa - xã hội

4.2.1. Về giáo dục - đào tạo

Giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển. Chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo được chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt. Chất lượng và hiệu quả giáo dục của tỉnh có tiến bộ rõ nét, vị thế của giáo dục Bắc Giang ngày càng được khẳng định, đưa Bắc Giang đứng đầu Cụm thi đua các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc và nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước về giáo dục và đào tạo¹. Quan tâm huy động nguồn lực cho đầu tư cơ sở vật chất², quy hoạch mạng lưới trường lớp³; đẩy mạnh triển khai hiệu quả các chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học hiệu quả. Công tác xã hội hóa giáo dục, đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Phong trào khuyến học, xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học phát triển rộng khắp.

Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông được quan tâm chỉ đạo, gắn với phát triển các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên bảo đảm phù hợp với nhu cầu, năng lực của học sinh. Hệ thống các trung tâm giáo dục hướng nghiệp, cơ sở đào tạo nghề được rà soát, sắp xếp lại phù hợp với thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động; từng bước gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt cao hơn bình quân chung của cả nước⁴.

¹ Giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hằng năm đạt trên 99%; kết quả thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực và quốc tế có bước tiến vượt bậc, đạt nhiều thành tích xuất sắc, cao nhất từ trước đến nay, trong nhiệm kỳ có 331 giải học sinh giỏi cấp Quốc gia; 09 huy chương khu vực và quốc tế (riêng năm 2024 đoạt 04 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Đồng, đưa Bắc Giang là tỉnh có số học sinh đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic Quốc tế trong 1 năm nhiều nhất cả nước từ xưa đến nay); thi khoa học - kỹ thuật đoạt nhiều giải cao, là 1 trong 2 tỉnh có số giải cao nhất toàn quốc; tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc xếp thứ nhất khu vực I và xếp thứ 4/63 tỉnh thành, thành phố, cao nhất từ trước đến nay. Hoàn thành phổ cập ở mức độ cao nhất; Bắc Giang là 1 trong 7 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc.

² Đến hết năm 2024, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 97,9% (tăng 6,6% so năm 2020; cao hơn 12,4% so với cả nước); có 722 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt 96,4% (tăng 4,9% so năm 2020; cao hơn 38% so với cả nước), 226 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt 30,2% (tăng 17,5% so năm 2020).

³ Toàn tỉnh hiện có 759 cơ sở giáo dục; 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.

⁴ Đạt 78% năm 2024, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có bằng cấp, chứng chỉ đạt 34%.

4.2.2. Về Y tế:

Hệ thống y tế từ ng bư ớ c đư ợ c củ ng cấ và kiệ n toàn, mạ ng lư ớ i khám, chũ a bệ nh ngày càng đư ợ c mở rộ ng và phát triể n cả công lậ p và ngoài công lậ p. Các đị ch vụ y tế ngày càng đa dạ ng; cơ sở vậ t chấ t, điề u kiệ n làm việ c và phụ c vụ bệ nh nhâ n đư ợ c cả i thiệ n; việ c cung ứ ng thuố c và trang thiế t bị y tế đư ợ c đầ u tư đáp ứ ng nhu cầ u thiế t yế u củ a công tác khám, chũ a bệ nh và dự phòng; trình độ chuyên môn, y đứ c, tinh thầ n thái độ phụ c vụ Nhâ n dân củ a độ i ngũ cán bộ y tế , chấ t lư ợ ng đị ch vụ khám, chũ a bệ nh, phòng bệ nh cho Nhâ n dân ở các tuyế n ngày càng đư ợ c nâng cao⁵. Công tác y tế dự phòng và phòng, chống dịch bệ nh, bảo đảm an toàn thực phẩm đư ợ c quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả.

4.2.3. Văn hóa, thông tin và thể thao

Công tác phát triển văn hóa, thể thao, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhâ n dân đư ợ c coi trọng. Hạ tầng các thiế t chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe của người dân đư ợ c quan tâm đầu tư. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đư ợ c chú trọng, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Việc xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có nhiều chuyển biến tiến bộ⁶. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp.

Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang (DTI) nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành đứng đầu cả nước. Đã chỉ đạo tập trung phát triển hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số, góp phần cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh⁷. Công tác quản lý nhà nước về báo

⁵ Số giường bệnh đạt 34,7/10.000 dân; số bác sĩ/10.000 dân đạt 12,5; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 99,32%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 36,6%

⁶ Năm 2024, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 88,8% và tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 82,5%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 88,2%; tỷ lệ xã có đầy đủ các thiế t chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã đạt 90% theo chuẩn quy định.

⁷ Hiện nay, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đư ợ c cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đặc biệt trên các thiế t bị di động; 98,5% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 88% hồ sơ công việc tại cấp huyện; 77% hồ sơ công việc tại cấp xã; hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 99,6% hộ gia đình; 100% đơn vị hành chính cấp xã; 100% diện tích đư ợ c phủ cáp dịch vụ mạng di động 4G/5G và tỷ lệ điện thoại di động thông minh chiế m 81,9%. Công tác xây dựng đô thị theo hướng thông minh đư ợ c quan tâm, thành phố Bắc Giang đã ban hành Kiến trúc ICT đô thị thông minh phiên bản 1.0; Hoàn thành trung tâm điều hành ĐTTM giai đoạn 1 từ tháng 6/2023, hiện đang duy trì hoạt động tốt; UBND thị xã Việt Yên đã ban hành Kiến trúc tham chiế u ICT đô thị thông minh phiên bản 1.0; định hướng Xây dựng 01 đô thị theo hướng đô thị thông minh tại thị xã Việt Yên năm 2025.

chí, xuất bản được tăng cường, bảo đảm phát triển và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Các hoạt động thông tin, truyền thông phát triển đa dạng, kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, cổ vũ, động viên Nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

4.2.4. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, lao động việc làm và giảm nghèo

Đã thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm. Quan tâm huy động nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách để đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo; tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 1,73%.

Tỉnh đặc biệt quan tâm và thực hiện tốt phương châm “3 an”: An ninh, an sinh, an toàn, trong đó đã triển khai và thực hiện chủ trương xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ gia đình người có công gặp khó khăn về nhà ở, nhà xuống cấp cần được sửa chữa, xây mới. Thường xuyên quan tâm giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các chế độ tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Chú trọng chỉ đạo giải quyết vấn đề nhà ở và các điều kiện sinh hoạt, giáo dục, y tế và các thiết chế văn hóa cho công nhân và con em công nhân các khu công nghiệp.

4.3. Về quốc phòng, an ninh

4.3.1. Về Quân sự, quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương tiếp tục được tăng cường, củng cố; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; từng bước đầu tư xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các công trình quốc phòng, công trình có tính lưỡng dụng cao trong khu vực phòng thủ. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện "Mẫu mực tiêu biểu", bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên, tuyển quân, công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Thực hiện tốt nhiệm vụ luyện tập và diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn; chủ động, trách nhiệm trong giúp đỡ Nhân dân phòng, chống thiên tai, dịch bệnh... Thực hiện kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong các chương trình, dự án, chính sách phát triển của tỉnh.

4.3.2. Về an ninh trật tự

An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác dự báo, nắm tình hình được quan tâm, chất lượng được nâng lên, kịp thời xử

lý, đấu tranh ngăn chặn hiệu quả, làm thất bại âm mưu, hoạt động gây rối của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tích cực đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội, tập trung cao đấu tranh ngăn chặn, xử lý tội phạm có tính chất chuyên nghiệp, tội phạm công nghệ cao, các tệ nạn xã hội gây bức xúc trong Nhân dân⁸. Thế trận an ninh nhân dân kết hợp với thế trận quốc phòng toàn dân ngày càng được củng cố vững chắc; phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" ngày càng phát triển rộng khắp và đi vào chiều sâu; việc triển khai Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bước đầu phát huy hiệu quả. Toàn tỉnh đã cơ bản xây dựng 100% trụ sở công an cấp xã. Công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân đạt nhiều kết quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác, chiến đấu thường xuyên và đột xuất, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (chương trình 134, chương trình 135 và một số chương trình mục tiêu quốc gia khác); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại huyện Sơn Động. Theo các chương trình này thì cán bộ, công chức, viên chức công tác ở các địa bàn đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách đặc thù này.

Ngoài các chương trình đặc thù của Trung ương, tỉnh Bắc Giang đã ban hành nhiều chính sách đặc thù để phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, như: Chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2030, gồm 5 chính sách và 9 đề án hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Cấp tỉnh

a) Tỉnh ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 42 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 11 đồng chí. Thường trực Tỉnh ủy có 03 đồng chí, gồm: Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Khỏi các cơ quan Đảng gồm có: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Báo Bắc Giang, Trường Chính trị tỉnh. Biên chế được giao 304 chỉ tiêu (CBCC 174, VC 76, 54 hợp đồng LĐ), hiện có 282 người (163 CBCC, 76 VC, 43 hợp đồng LĐ);

⁸ Đến nay, trên địa bàn tỉnh không có băng, nhóm tội phạm.

- Tính đến ngày 01/3/2025, Đảng bộ tỉnh Bắc Giang có 14 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (07 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố và 04 đảng bộ tương đương); 610 tổ chức cơ sở đảng (trong đó: 323 chi bộ cơ sở và 287 đảng bộ cơ sở), 4.078 tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở (trong đó: 16 đảng bộ bộ phận và 4.062 chi bộ trực thuộc) với tổng số 90.441 đảng viên.

b) Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội gồm: Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn Thanh niên, Liên Đoàn Lao động tỉnh. Biên chế được giao: 204 chỉ tiêu (CBCC: 177, 27 hợp đồng lao động), hiện có 192 người (162 CBCC, 10 VC; 20 hợp đồng lao động).

c) Hội đồng nhân dân tỉnh

- Hội đồng nhân dân tỉnh có 69 đại biểu. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 03 thành viên là Trưởng ban của HĐND tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có 03 ban: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế, Ban Văn hóa- Xã hội.

Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 28 đại biểu, chiếm 40,58%; sau đại học 41 đại biểu, chiếm 59,42%;

+ Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 57 đại biểu, chiếm 82,61%; trung cấp 12 đại biểu, chiếm 17,39%

Cơ quan giúp việc HĐND có Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: có 38 công chức, 100% có trình độ đại học.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh

- UBND tỉnh gồm có 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch UBND, 15 Ủy viên UBND tỉnh là thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Công an, Quân sự.

+ Cơ quan chuyên môn giúp việc hiện có 14 cơ quan (gồm 13 sở và 01 cơ quan tương đương sở - Ban Quản lý các KCN tỉnh). Đầu mỗi bên trong sở và tương đương: Hiện có 115 phòng chuyên môn, chi cục và tương đương. Có 103 đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở và tương đương (trong đó 24 đơn vị sự nghiệp y tế, 46 đơn vị sự nghiệp giáo dục, 33 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác).

+ Về biên chế: công chức được giao 1.089 chỉ tiêu, hiện có 1.063 người; viên chức hưởng lương từ NSNN: được giao 4.725 chỉ tiêu, hiện có 4.547 người; người lao động được giao 575 chỉ tiêu, hiện có 349 người (161 người hưởng lương NSNN, 188 hưởng lương NTSN), trong đó Nam 2.357 người, Nữ 3.602 người, có 564 người là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó:

(1) Công chức: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 04 người, chiếm 0,37%; thạc sĩ 467 người, chiếm 42,9%; đại học 618 người, chiếm 56,7%.

Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 271 người, chiếm 24,88%; trung cấp 527 người, chiếm 48,39 %; sơ cấp 258 người, chiếm 23,69 %; chưa qua đào tạo 33 người, chiếm 3,03%.

(2) Viên chức: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 05 người, chiếm 0,10 %; thạc sĩ 938 người, chiếm 20,62 %; đại học 3.604 người, chiếm 79,26 %; Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 271 người, chiếm 5,96%; trung cấp 1.299 người, chiếm 28,56 %; sơ cấp 2.465 người, chiếm 54,21 %; chưa qua đào tạo 512 người, chiếm 11,26 %. (Chi tiết số lượng cán bộ, công chức, viên chức nêu tại phụ lục kèm theo).

6.2. Cấp huyện

a) Tổ chức đảng: Toàn tỉnh có 10 đảng bộ huyện, thị xã, thành phố với 496 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc (*trong đó: 269 chi bộ cơ sở và 227 đảng bộ cơ sở*); 3.620 tổ chức đảng trực thuộc (*trong đó: 07 đảng bộ bộ phận và 3.613 chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở*). Tổng số biên chế hiện có 529 chỉ tiêu, trong đó: 439 công chức; 39 viên chức; 51 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/NĐ-CP.

b) Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, Đoàn TNCSHCM cấp huyện, Liên đoàn Lao động cấp huyện, Hội liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, Hội Nông dân cấp huyện, Hội Cựu chiến binh cấp huyện.

c) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Hội đồng nhân dân cấp huyện: có 07 HĐND huyện, 02 HĐND thị xã, 01 HĐND thành phố với 324 đại biểu. Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: có Chủ tịch, Phó Chủ tịch; các Ban của Hội đồng nhân dân có: Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 123 đại biểu, chiếm 38 %; đại học 198 đại biểu, chiếm 61 %;

+ Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 136 đại biểu, chiếm 41,98 %; trung cấp 124 đại biểu, chiếm 38, 27 %; sơ cấp 2 đại biểu, chiếm 0,6 %; chưa qua đào tạo 62 đại biểu, chiếm 19 %.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có 105 phòng chuyên môn, biên chế 28.607, trong đó: công chức 754 người (494 nam, 260 nữ), 66 người là dân tộc thiểu số.

Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: tiến sĩ có 01 người, chiếm 0,13 %; thạc sĩ 303 người, chiếm 40,19 %; đại học 450 người, chiếm 59,68.%;

+ Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 263 người, chiếm 34,88 %; trung cấp 359 người, chiếm 47,62 %; sơ cấp 104 người, chiếm 13,79 %; chưa qua đào tạo 28 người, chiếm 3,71 %.

6.3. Cấp xã

a) Tổ chức đảng: Có 192 Đảng ủy, gồm 143 Đảng ủy xã, 35 Đảng ủy phường và 14 Đảng ủy thị trấn.

b) Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội: mỗi xã đều bố trí 05 chức danh trưởng các đoàn thể tổ chức chính trị - xã hội;

c) Hội đồng nhân dân cấp xã: có 192 Hội đồng nhân dân gồm 143 HĐND xã, 35 HĐND phường và 14 HĐND thị trấn với tổng số 4.803 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 105 đại biểu, chiếm 2%; đại học 2.080 đại biểu, chiếm 43%; cao đẳng, trung cấp 1.035 đại biểu, chiếm 21,54 %;

- Trình độ lý luận chính trị: cử nhân, cao cấp 65 đại biểu, chiếm 1,35 %; trung cấp 2.340 đại biểu, chiếm 48,72%; sơ cấp 1057 đại biểu, chiếm 22 %; chưa qua đào tạo 1341 đại biểu, chiếm 28 %.

d) Cán bộ, công chức cấp xã có 4.217 người, gồm 2.154 cán bộ, 2.063 công chức; nam 2.829 người, nữ 1345 người; dân tộc thiểu số 620 người. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: thạc sĩ 332 người, chiếm 8%; đại học 3.885 người, chiếm 92%;

+ Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 84 người, chiếm 1,99 %; trung cấp 3658 người, chiếm 86,7 %; sơ cấp, chưa qua đào tạo 475 người, chiếm 11 %;

đ) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã là: 1.839 người.

e) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, TDP là: 6.311 người.

B. TỈNH BẮC NINH

1. Vị trí địa lý:

Tỉnh Bắc Ninh nằm ở tọa độ địa lý từ 20°58' đến 21°16' vĩ độ Bắc và 105°54' đến 106°19' kinh độ Đông. Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Giang; phía Đông tiếp giáp với tỉnh Hải Dương; phía Nam tiếp giáp với tỉnh Hưng Yên; phía Tây tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội. Bắc Ninh nằm ở cửa ngõ phía Bắc Thủ đô Hà Nội, trong tam giác tăng trưởng kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có vị trí thuận lợi cả về giao thông đường bộ, đường sông và đường hàng không, tiếp giáp các tuyến đường huyết mạch như đường Quốc lộ 1A; 1B, đường Vành đai 4, đường nối từ sân bay Gia Bình đến quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn và tiến tới là đường sắt Lào Cai - Hải Phòng, các Cảng cạn (*Quế Võ, Tiên Du, Gia Bình*)... đặc biệt là cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cảng hàng không sân bay Gia Bình (*hoàn thành năm 2026*) là sân bay đa năng, lưỡng dụng, có chức năng sân bay chuyên dùng tương đương cấp 4E.

2. Diện tích, quy mô dân số, số ĐVHC trực thuộc

Tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên 822,71 km², dân số 1.561.515 người và 08 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 02 thành phố Bắc Ninh, Từ Sơn, 02 thị xã Quế Võ, Thuận Thành và 04 huyện Tiên Du, Yên Phong, Gia Bình, Lương Tài); có 121 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 50 phường, 05 thị trấn và 66 xã); có 01 đô thị loại I (thành phố Bắc Ninh); 01 đô thị loại III (thành phố Từ Sơn); 03 đô thị loại IV (đô thị: Quế Võ, Thuận Thành, Yên Phong) và 05 đô thị loại V (Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; thị trấn Lim, huyện Tiên Du; thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình; thị trấn Thứa, huyện Lương Tài và thị trấn Nhân Thắng, huyện Gia Bình).

3. Chức năng, vai trò

Bắc Ninh nổi tiếng là vùng đất cổ, giàu truyền thống lịch sử, văn hiến và cách mạng; trung tâm của xứ Kinh Bắc, xưa kia Luy Lâu từng là trung tâm kinh tế - chính trị - tôn giáo sớm nhất của Việt Nam; vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống lịch sử, văn hiến và cách mạng; nơi khởi dựng cơ đồ của Thủy tổ Việt Nam - Kinh Dương Vương; nơi phát tích Vương triều Lý - triều đại khai mở và xây dựng nền văn minh Đại Việt; nơi có nhiều vị đại khoa nhất Việt Nam, đặc biệt có 16 vị trạng nguyên (chiếm 1/3 cả nước); sản sinh ra nhiều danh nhân lịch sử, văn hoá, quân sự tiêu biểu như: Lê Văn Thịnh, Cao Lỗ Vương và nhiều nhà cách mạng tiền bối của Đảng như: Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt,...; quê hương của lễ hội, của nghệ thuật dân gian và làng nghề thủ công truyền thống phong phú, đa dạng như: Chạm khắc Phù Khê; đúc đồng Đại Bái; gốm Phù Lãng, tranh dân gian Đông Hồ. Bắc Ninh tự hào có 4 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 4 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh; có 18 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là Bảo vật Quốc gia. Bắc Ninh là trung tâm vùng Kinh Bắc xưa (xứ Kinh Bắc); Bắc Ninh cũng mang đặc trưng của văn hóa vùng đồng bằng Sông Hồng. Nét văn hóa đặc sắc nhất của Bắc Ninh không thể không nhắc đến, đó là làn điệu Dân ca Quan họ mượt mà đậm thắm đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Bắc Ninh - Kinh Bắc qua nhiều tên gọi khác nhau song ở thời kỳ nào cũng sản sinh ra nhiều bậc hiền tài, làm rạng danh đất nước, có “Một đồng ông Nghè, một bè Tiến sĩ, một bị Trạng nguyên, một thuyền Bạng nhãn”. Trán Kinh Bắc cũng nức tiếng là “Vương quốc” của lễ hội với đậm đặc các di tích lịch sử văn hóa mang tầm vóc quốc gia. Trải qua hai lần chia tách và sáp nhập, ngày 15/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX đã có Nghị quyết chia tách tỉnh Hà Bắc thành 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Ninh chính thức hoạt động theo ĐVHC mới. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng, tạo đà phát triển cho quê hương Bắc Ninh trong giai đoạn mới.

Sau 28 năm tái lập, Bắc Ninh từ một tỉnh nông nghiệp thuần túy thì đến ngày hôm nay đang tiến nhanh trên con đường CNH-HĐH, đóng góp đặc lực

vào công cuộc đổi mới của đất nước. Thực hiện lộ trình xây dựng tỉnh công nghiệp, hướng tới mục tiêu trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào điều kiện thực tế của tỉnh, đề ra mục tiêu chiến lược, khoa học, đồng thời xác định được hướng đi đúng, có bước đi thích hợp tạo bước đột phá để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển; cùng nhau đoàn kết, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Sau 28 năm tái lập, sự cố gắng của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong tỉnh đã được đền đáp xứng đáng bằng nhiều hoa thơm quả ngọt. Với những kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đã đưa Bắc Ninh lên một tầm cao mới, trở thành điểm sáng của cả nước. Quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 ước đạt 232,8 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành); tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 6,03%; GRDP bình quân đầu người năm 2024 của tỉnh Bắc Ninh ước đạt 150,5 triệu đồng/người (tương đương 6.010 USD/người), gấp 1,3 lần bình quân cả nước; tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 32.990 tỷ đồng (là một trong những tỉnh tự cân đối và có phần điều tiết ngân sách về Trung ương); cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại; công nghiệp phát triển nhanh, liên tục tăng trưởng cao, công nghệ ngày càng hiện đại, công nghiệp thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài, các Tập đoàn kinh tế lớn đến với các KCN tập trung của tỉnh; chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 5,7% so với năm 2023; giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh hiện nằm trong top cao nhất cả nước. Các hoạt động an sinh xã hội, văn hoá xã hội ngày càng nâng cao chất lượng, đạt nhiều thành tích. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được củng cố và giữ vững. Cải cách hành chính có nhiều chuyển biến, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, xây dựng và củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng và Chính quyền các cấp (đứng thứ 03 cả nước và đứng đầu vùng Đồng bằng Sông Hồng về chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI” năm 2023).

Nằm ở cửa ngõ phía Đông Bắc thủ đô Hà Nội, Bắc Ninh được ví như "viên ngọc quý" của vùng Đồng bằng sông Hồng, đóng vai trò là mắt xích quan trọng trong tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực và vùng Đông Bắc tổ quốc. Vị trí địa lý đặc địa đã mang lại cho tỉnh Bắc Ninh lợi thế vượt trội khi nằm trên hai hành lang kinh tế chiến lược: Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Phú Lý, giúp tỉnh giữ vị thế là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia về kinh tế, đồng thời là đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế.

Với những lợi thế trên, Bắc Ninh trở thành một trong 10 tỉnh thành năng động nhất của Vùng Thủ đô Hà Nội. Sự gần gũi với trung tâm chính trị và kinh tế của cả nước đã tạo điều kiện lý tưởng cho Bắc Ninh phát triển vượt bậc, thu hút

manh mẽ đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao lưu văn hóa và hợp tác quốc tế. Tỉnh Bắc Ninh đã và đang khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng quan trọng, góp phần vào sự thịnh vượng chung của Vùng Thủ đô và cả nước.

4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

4.1. Về phát triển kinh tế

4.1.1. Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Quy mô kinh tế tiếp tục nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước, khẳng định là một trong những địa phương phát triển năng động của Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 đạt 232,8 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành) tăng 6,03% so với năm 2023; bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 3,42%-3,8%/năm (mục tiêu Nghị quyết Đại hội 7,0-8,0%/năm); Quy mô kinh tế năm 2025 đạt 245-250 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 2,2% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người ước đạt 6.653-6.778 USD, gấp 1,3 lần bình quân cả nước (mục tiêu Đại hội là 7.800-8.200 USD; năng suất lao động bình quân tăng 2,86%/năm, xấp xỉ mức tăng của cả nước. Bắc Ninh tiếp tục khẳng định là một trong những địa phương phát triển năng động của Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đóng góp tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm 2024, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, khu vực Công nghiệp và Xây dựng chiếm 70,3%; khu vực Dịch vụ chiếm 22,34%; khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 3,02%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,34%.

4.1.2. Về phát triển các ngành sản xuất:

a) Về phát triển công nghiệp - xây dựng:

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn, hình thành trung tâm điện tử hàng đầu Việt Nam.

Bắc Ninh tiếp tục là điểm đến được các tập đoàn lớn trong ngành công nghiệp điện tử, bán dẫn lựa chọn (*Samsung, Amkor, Foxconn, Canon, Goertek...*); bước đầu xây dựng kế hoạch, lộ trình chuyển đổi xanh các khu công nghiệp. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò động lực (*chiếm 97,4% toàn ngành công nghiệp; chiếm 65,5% GRDP của tỉnh*); công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao trở thành mũi nhọn trong phát triển công nghiệp, đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao của cả nước; công nghiệp hỗ trợ được quan tâm, phát triển. Tích hợp bổ sung 05 KCN mới và điều chỉnh vị trí 01 KCN vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; năm 2025, tăng trưởng của ngành công nghiệp ước tăng 8,32%, đóng góp 5,65% trong tăng trưởng GRDP; bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 2,75%/năm.

Trên địa bàn tỉnh có 16 KCN tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển với tổng diện tích 6.397,68 ha; Có 12/16 KCN đã đi vào hoạt động; Có 15 Khu công nghiệp đã được thành lập với diện tích 5.946,99 ha; Các KCN được thành lập có diện tích đất công nghiệp đã cho thuê khoảng 2.524,02 ha. Tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất công nghiệp cho thuê theo quy hoạch đạt 61,1 %. Số lao động đang làm việc ở các khu công nghiệp 294.127 lao động.

Ngoài ra tỉnh còn có 39 CCN có trong quy hoạch với diện tích 1.175,12ha, đã thành lập được 37 CCN với diện tích là 1.110,12 ha, trong đó: có 35 CCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 1.050,12ha; có 26 CCN đã đi vào hoạt động với diện tích 769,66ha. Tổng số dự án đầu tư trong các CCN là 870 dự án với tổng số vốn đăng ký là 3.953 tỷ đồng. Các CCN đã tạo việc làm cho 12.128 người”

b) Về thương mại - dịch vụ:

Hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ được đẩy mạnh đầu tư; hạ tầng logistics phát triển; đa dạng hóa các kênh phân phối gắn kết giữa thành thị với nông thôn, giữa Bắc Ninh với các địa phương trong cả nước và phục vụ xuất khẩu. Hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh với chỉ số thương mại điện tử của tỉnh luôn nằm trong top 10 cả nước. Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước 102.900 tỷ đồng tăng 12,6%, bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 11,87%/năm; trong đó, tỷ trọng hàng hóa và dịch vụ từ các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích ước đạt 74,4% (*năm 2020 đạt 72,5%*).

Hoạt động ngoại thương được mở rộng cùng với xu hướng mở rộng kinh tế đối ngoại của đất nước; các đối tác thương mại và đầu tư trong các nước đối tác chiến lược toàn diện chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2024 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước 75,9 tỷ USD, tăng 1% so với năm 2023, đạt 100% kế hoạch; trong đó, xuất khẩu ước 41,5 tỷ USD, tăng 2%, đạt 100% kế hoạch; nhập khẩu ước 34,4 tỷ USD, tương đương cùng kỳ năm 2023, đạt 100% kế hoạch. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2021-2025 ước 392,5 tỷ USD.

Dịch vụ vận tải, logistics có bước chuyển biến ngoạn mục, tạo cơ sở để hình thành trung tâm logistics của khu vực miền Bắc; đã đầu tư nhà máy chọn lọc hàng hóa với công suất lớn và thông minh hàng đầu Đông Nam Á.

c) Về phát triển nông - lâm nghiệp và thủy sản

Tập trung phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng bền vững, gắn với đô thị; trọng tâm là đẩy mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng và phát triển nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Lĩnh vực phát triển nông nghiệp và hạ tầng nông thôn tiếp tục được quan tâm; hệ thống cơ chế, chính sách đặc thù được nghiên cứu, ban hành theo hướng hiệu quả để khuyến khích, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái. Ước tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao chiếm trên 38% toàn ngành nông nghiệp;

giá trị sản phẩm tăng 17-30% so với canh tác truyền thống. Năng suất lao động bình quân khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 28,5%/năm.

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới (NTM) tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với cuộc vận động “*toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; Tính đến hết năm 2024, tỉnh Bắc Ninh có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, có 6/6 huyện, thị xã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 24/66 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 2 xã và 60 thôn được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Chương trình mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được quan tâm, đa dạng hóa sản phẩm với 302 sản phẩm OCOP được công nhận đạt hạng 3-4 sao; xây dựng thí điểm 03 sản phẩm OCOP du lịch sinh thái. Chú trọng định hướng phát triển, bảo tồn 65 làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

4.1.3. Về thu, chi ngân sách

Thu ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 32.990 tỷ đồng, đạt 105,61% dự toán, tăng 13,31% so với năm 2023; trong đó thu nội địa 24.545 tỷ đồng, đạt 101,27% dự toán, tăng 10,51%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 8.444 tỷ đồng, đạt 120,64% dự toán, tăng 22,32%. Tổng thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 dự kiến đạt 165.029 tỷ đồng, bình quân tăng 4,7%/năm; trong đó, năm 2025 dự kiến đạt 38.691 tỷ đồng, tăng 25,8% so với năm 2020, hoàn thành vượt chỉ tiêu Đại hội; thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất) giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 7,6%/năm. Chi ngân sách địa phương năm 2024 đạt 16.622 tỷ đồng, đạt 85,3% dự toán, đạt 109,7% so với năm 2023 (không bao gồm chi chuyển giao và chi trả nợ gốc). Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 dự kiến đạt 86.494 tỷ đồng (không bao gồm chi chuyển nguồn); trong đó năm 2025 dự kiến tăng 10,4% so với năm 2020.

Hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng ổn định; duy trì và mở rộng đầu mối ngân hàng, tổ chức tín dụng. Tổng nguồn vốn huy động năm 2024 ước đạt 255 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm 2023; dư nợ cho vay ước đạt 188,5 nghìn tỷ đồng, tăng 15,4%.

4.2.1. Về giáo dục - đào tạo

Công tác quản lý, chỉ đạo có nhiều đổi mới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp học được nâng lên (*tỷ lệ trình độ đạt chuẩn của cán bộ QLGD và giáo viên các cấp là 97,7%*); kết quả giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn hàng năm đạt kết quả cao, nằm trong top đầu cả nước.

Kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia năm học 2023 - 2024, tỉnh Bắc Ninh có 79/86 thí sinh đoạt giải với 11 giải Nhất, 23 giải Nhì, 28 giải Ba, 17 giải Khuyến khích, đạt tỷ lệ 91,9% (xếp thứ 2 toàn quốc); 15 học sinh được triệu tập dự kỳ thi chọn Đội tuyển Olympic quốc gia. Đặc biệt, Kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế năm 2024, tỉnh Bắc Ninh có 03 học sinh dự thi, trong đó, 01 học sinh đoạt Huy chương Vàng Olympic quốc tế môn Hóa học; 01 học sinh đoạt Huy chương

đồng Olympic quốc tế môn Toán; 01 học sinh đoạt Huy Chương đồng Olympic Vật lý Châu Âu; thi tốt nghiệp THPT tăng 21 bậc, xếp hạng thứ 5 toàn quốc năm 2023, 2024); phổ cập giáo dục - xóa mù chữ tiếp tục được duy trì và củng cố vững chắc; công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT có nhiều đổi mới và đạt hiệu quả cao. Công tác khuyến học, khuyến tài được quan tâm. Chương trình “*Sửa học đường*” tiếp tục được triển khai hiệu quả ở 100% các cơ sở giáo dục mầm non và các trường tiểu học.

Tập trung rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn; quan tâm đầu tư xây dựng trường, lớp học; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư đồng bộ, hiện đại; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia ước 99,6%; khuyến khích phát triển, mở rộng loại hình trường ngoài công lập; từng bước đáp ứng yêu cầu tăng nhanh về quy mô dân số, quy mô số lớp và số học sinh.

4.2.2. Về Y tế

Hệ thống y tế dự phòng được củng cố và nâng cao năng lực, đủ khả năng giám sát, kiểm soát chặt chẽ, không chế dịch bệnh. Y tế cơ sở được quan tâm đầu tư đáp ứng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, 121/121 xã, phường, thị trấn đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Đầu tư nâng cấp các cơ sở y tế (*mở rộng Bệnh viện Sản - Nhi, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế Thuận Thành, Yên Phong, Gia Bình, Lương Tài, ...*) nâng quy mô giường bệnh các cơ sở y tế công lập tăng từ 3.550 giường năm 2020 lên 4.340 giường vào năm 2025; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế từ 93,46% năm 2020 lên 96% năm 2025, phát triển chuyên môn kỹ thuật ở cả tuyến tỉnh và tuyến huyện. Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản – Nhi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả “*Đề án ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành y tế Bắc Ninh*”. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính, triển khai thực hiện hồ sơ bệnh án điện tử, bệnh viện không giấy tờ, kết nối liên thông dữ liệu khám chữa bệnh và hồ sơ sức khỏe điện tử người dân. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả “*Đề án: Bắc Ninh phấn đấu không còn thực phẩm không an toàn*”.

4.2.3. Văn hóa, thông tin và thể thao, du lịch

Ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TU ngày 29/8/2022 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động chính trị, văn hóa, thể thao quy mô lớn trên địa bàn. Chú trọng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa; Dân ca Quan họ Bắc Ninh tiếp tục được bảo tồn và phát huy có hiệu quả; hoàn thiện xong hồ sơ trình UNESCO ghi danh “*Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ*” là Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp; tăng cường công tác quản lý, tu bổ các di tích lịch sử, cách mạng. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng các thiết chế, công trình văn hóa lớn, gắn với phát triển dịch vụ du lịch (*Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Trung tâm bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ; Chùa Dạm; Đền thờ Lý Thường Kiệt; Dự án du thuyền trên sông Đuống và sông Cầu...*). Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn

hóa, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; duy trì và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả tích cực.

Hoạt động du lịch có bước phát triển đột phá sau dịch Covid-19, cơ sở hạ tầng du lịch không ngừng được tăng cường: Tổng giá trị vốn đầu tư xã hội dịch vụ du lịch năm 2024 đạt gần 11 nghìn tỷ đồng tăng hơn 30% so với năm 2020; dịch vụ lưu trú chất lượng cao tiêu chuẩn 5 sao thu hút được nhiều tập đoàn uy tín đến đầu tư góp phần đáng kể làm thay đổi diện mạo, cảnh quan đô thị Bắc Ninh ngày càng khang trang, hiện đại, văn minh.

4.2.4. Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; triển khai 136 nhiệm vụ khoa học và công nghệ; công nhận 345 sáng kiến cấp tỉnh; xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, bảo hộ sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, thúc đẩy hội nhập kinh tế. Ngoài ra, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong khu vực được đẩy mạnh, kết hợp với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Nhiều doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đã có mô hình mới để trở thành nhà cung ứng của các tập đoàn lớn.

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh, có chủ trương, chính sách đồng bộ, phù hợp với xu thế; ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TU, ngày 18/3/2022 về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; thông qua Đề án chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước hằng năm, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh. Hệ thống thông tin một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được xây dựng và dùng chung cho các sở, ban, ngành có thủ tục hành chính, 8/8 UBND cấp huyện, 121/121 xã, phường, thị trấn, đáp ứng các yêu cầu theo quy định và đạt hiệu quả với tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn tỉnh đến nay là 93,18%; ứng dụng tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tiếp nhận hơn 12.000 phản ánh, kiến nghị với tỷ lệ xử lý đạt 96%.

Kinh tế số tiếp tục duy trì kết quả cao với vai trò chủ đạo của kinh tế số ICT cùng tỷ trọng kinh tế số/GRDP đứng thứ nhất cả nước (năm 2020 đạt 50,41%; năm 2021 48,49%; năm 2022 46,79%; năm 2023 45,18%). Hạ tầng số được triển khai đồng bộ, hiện đại với Trung tâm dữ liệu tỉnh kết nối tới các cơ quan, đơn vị qua mạng truyền số liệu chuyên dùng. Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng máy tính đạt 100% ở cấp tỉnh và huyện; 95% ở cấp xã.

4.2.5. Thực hiện chính sách an sinh xã hội, lao động việc làm và giảm nghèo

Công tác lao động, việc làm, an toàn vệ sinh lao động được chú trọng; triển khai Đề án phát triển quan hệ lao động hài hòa trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-

2025; công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao được quan tâm (*có 03 Trường Cao đẳng được đầu tư 07 ngành nghề cấp quốc tế; 04 ngành nghề cấp khu vực ASEAN*).

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ quỹ quốc gia về việc làm là gần 13.000 người. Thông qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tổ chức 07 phiên giao dịch việc làm trực tuyến kết nối việc làm cho 4.665 lao động, tiếp nhận nhu cầu đăng ký và giới thiệu việc làm cho 5.342 người lao động; tổng số doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 3.406 lượt doanh nghiệp (trong đó doanh nghiệp tại Bắc Ninh 590) với nhu cầu tuyển 39.542 lao động. Ước thực hiện năm 2024 có 1.300 lao động tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị khoảng 2,18%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước thực hiện đạt 79% năm 2024, chỉ số đào tạo lao động luôn đứng trong top đầu cả nước, trong đó, năm 2022 đứng thứ 2.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch (*chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt*); nhiều chính sách được mở rộng đối tượng và có mức trợ cấp cao hơn so với quy định của Trung ương (*mở rộng đối tượng, mức trợ cấp bảo trợ xã hội và chính sách điều dưỡng người có công; hỗ trợ kinh phí BHYT, BHXH...*). Trong giai đoạn dịch Covid-19 bùng phát, tỉnh đã thực hiện nhiều gói hỗ trợ an sinh xã hội, hỗ trợ 8.104 đơn vị, doanh nghiệp, 368 hộ kinh doanh, gần 605 nghìn người lao động gặp khó khăn với số tiền trên 977 tỷ đồng. Công tác chăm sóc người có công được thực hiện toàn diện, bảo đảm mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình người dân nơi cư trú. Các chính sách và giải pháp giảm nghèo bền vững được triển khai có hiệu quả, đồng bộ; năm 2024, tỉnh công bố không còn hộ nghèo, về đích trước 01 năm so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

4.3. Về quốc phòng, an ninh

4.3.1. Về Quân sự, quốc phòng

Tiếp tục quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, toàn diện, “*Mẫu mực, tiêu biểu*”, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn tuyệt đối các mục tiêu; thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, chủ động xử lý kịp thời các tình huống ngay từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ. Tập trung các nguồn lực xây dựng hoàn thành 41 trụ sở quân sự - công an cấp xã, đạt 32,54%. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh; chỉ đạo diễn tập cấp huyện, cấp xã hoàn thành chỉ tiêu, an toàn, chất lượng; phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh. Tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân.

4.3.2. Về an ninh trật tự

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Công an, Quân đội làm nòng cốt trong tham mưu thực hiện nhiệm vụ giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị, đối ngoại của tỉnh. Chủ động phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để hình thành, phát sinh “điểm nóng” về ANTT; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trên địa bàn. Công tác đấu tranh tội phạm về trật tự xã hội có sự chuyển biến tích cực; tỷ lệ điều tra khám phá án cao, tỷ lệ điều tra chung đạt trên 80%, tỷ lệ điều tra án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95%. Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai đồng bộ; ban hành Nghị quyết số 87-NQ/TU, ngày 15/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng “*Tỉnh an toàn giao thông*” được Trung ương ghi nhận đánh giá cao. Triển khai nghiêm túc, hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng

Ngoài các chương trình đặc thù của Trung ương, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều chính sách đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả, như:

- Chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản; chính sách về thu hút đầu tư, doanh nghiệp.
- Chính sách về văn hóa, thể thao; chính sách về giáo dục và đào tạo; chính sách về y tế; chính sách về đào tạo sử dụng lao động...

6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn

6.1. Cấp tỉnh

a) Tỉnh ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 42 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 13 đồng chí. Thường trực Tỉnh ủy có 03 đồng chí, gồm: 01 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh; 01 đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; 01 đồng chí Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh có 12 đảng bộ trực thuộc (gồm 4 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thị xã, 02 đảng bộ thành phố, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh). Tổng số có 557 tổ chức cơ sở đảng (đảng bộ cơ sở 220, chi bộ cơ sở 337), chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở 2.159. Tổng số đảng viên trong toàn tỉnh là 62.706 đồng chí.

- Cơ cấu tổ chức khối các cơ quan Đảng, gồm có: Văn Phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên Giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, Báo Bắc Ninh. Biên chế được giao chỉ tiêu 274 (156 CBCC, 73 VC, 45 hợp đồng LĐ), hiện có: 251 (142 CBCC, 68 VC, 41 hợp đồng LĐ)

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội cựu chiến binh tỉnh. Biên chế được giao: 152 chỉ tiêu (CBCC: 135, 17 hợp đồng lao động), hiện có 141 người (128CBCC, 13 hợp đồng lao động).

c) Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Hội đồng nhân dân tỉnh có 50 đại biểu (tính đến 01/3/2025), Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm có: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 03 Trưởng các Ban của HĐND tỉnh. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 06 đại biểu, chiếm 12%; thạc sĩ 33 đại biểu, chiếm 66%; đại học 09 đại biểu, chiếm 18%; dưới đại học 02 người, chiếm 4%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 40 đại biểu, chiếm 80%; trung cấp 04 đại biểu, chiếm 06%; sơ cấp 01 đại biểu, chiếm 02%; chưa qua đào tạo 05 đại biểu, chiếm 10%.

- Cơ quan giúp việc HĐND tỉnh gồm có 03 ban: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

- Văn phòng HĐND và UBND tỉnh có 26 công chức, 14 hợp đồng.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Chủ tịch, 03 Chủ tịch, 14 Ủy viên UBND là thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và cơ quan Công an, Quân sự.

Cơ quan giúp việc gồm có 15 sở, ban, ngành. Về Biên chế: công chức được giao 871 chỉ tiêu, hiện có 804 người; viên chức được giao 4.757 (VC hưởng lương NSNN: 4.085 người, VC hưởng lương NTSN: 672 người), hiện có 4.024 (VC hưởng lương NSNN: 3784 người, VC hưởng lương NTSN: 240 người); người lao động được giao 757 chỉ tiêu, hiện có 661 người (658 người hưởng lương NSNN, 3 hưởng lương NTSN), trong đó Nam 2.801 người, Nữ 3.421 người, có 564 người là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó:

(1) Công chức: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 29 người, chiếm 3,61%; thạc sĩ 566 người, chiếm 70,4%; đại học 209 người, chiếm 26 %; Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 280 người, chiếm 34,8%; đại học 13 người, chiếm 1,62 %; trung cấp 370 người, chiếm 46 % ; sơ cấp 141 người, chiếm 17,5%.

(2) Viên chức: Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 328 người, chiếm 8,15%; thạc sĩ: 1370 người, chiếm 34%; đại học 1801 người, chiếm 44,8%; còn lại 525

người có trình độ cao đẳng và trung cấp chiếm 2,66 %. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 120 người, chiếm 2.98 %; đại học 1010 người, chiếm 25,1 %; trung cấp 1509 người, chiếm 37,5 %; sơ cấp 1.142 người, chiếm 28,4%, còn lại 243 người chiếm 6,04%.

(Chi tiết số lượng cán bộ, công chức, viên chức nêu tại phụ lục kèm theo)

6.2. Cấp huyện:

a) Tổ chức đảng: Có 08 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện/thị xã/thành phố (gồm 4 đảng bộ huyện, 02 đảng bộ thị xã, 02 đảng bộ thành phố).

b) Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, Đoàn TNCSHCM cấp huyện, Liên đoàn Lao động cấp huyện, Hội liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, Hội Nông dân cấp huyện, Hội cựu chiến binh cấp huyện.

c) Hội đồng nhân dân cấp huyện

- Hội đồng nhân dân cấp huyện: Có 02 HĐND thành phố, 02 HĐND thị xã và 04 HĐND huyện, với 237 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch; Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 02 người, chiếm 0,84%; thạc sĩ 88 người, chiếm 37,1%; đại học 142 người, chiếm 59,9%; cao đẳng, trung cấp 05 người, chiếm 2,1%;

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 108 người, chiếm 45,56%; trung cấp 125 người, chiếm 52,7%; sơ cấp 8 người, chiếm 3,37%.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện

Có 02 UBND thành phố, 02 UBND thị xã, 04 UBND huyện; tổng số có 80 phòng, ban chuyên môn, trong đó: công chức 522 người (288 nam, 234 nữ); có 04 người là đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ có 6 người, chiếm 1,14%; thạc sĩ 339 người, chiếm 64,9%; đại học 177 người, chiếm 33,9%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 171 người, chiếm 32,76%; trung cấp 261 người, chiếm 50%; sơ cấp 90 người, chiếm 17,24%.

6.3. Cấp xã

a) Tổ chức đảng: Có 121 Đảng ủy, gồm 66 Đảng ủy xã, 50 Đảng ủy phường và 05 Đảng ủy thị trấn.

b) Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội: mỗi xã đều bố trí 05 chức danh trưởng các đoàn thể tổ chức chính trị - xã hội;

c) Hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn: Gồm 121 Hội đồng nhân dân, gồm 66 HĐND xã, 50 HĐND phường và 05 HĐND thị trấn, với tổng số 2.915 đại biểu. Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 145 người, chiếm 4,97%; đại học 1.437 người, chiếm 49,3%; cao đẳng 85 người, chiếm 2,9%; trung cấp 238 người, chiếm 8,16%, trình độ khác 1010 người, chiếm 34,6%;

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 48 người, chiếm 1,65%; trung cấp 1430 người, chiếm 49,05%; sơ cấp 564 người, chiếm 19,34%; chưa qua đào tạo 873 người, chiếm 29,9%.

d) Cán bộ, công chức cấp xã có 2.279 người, trong đó: cán bộ 1.256 người, công chức 1023 người (1694 nam, 585 nữ). Trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: tiến sĩ có 0 người, chiếm 0%; thạc sĩ 262 người, chiếm 11,49%; đại học 1840 người, chiếm 80,73%; cao đẳng 46 người, chiếm 2,02%; trung cấp 131 người chiếm 5,74%.

+ Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 40 người, chiếm 1,75%; đại học 23 người chiếm 1 %; trung cấp 2.207 người, chiếm 96,84 %; sơ cấp và chưa qua đào tạo 9 người

đ) Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã bố trí là 1.167 người.

e) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ấp/khu phố đã bố trí là 2.153 người.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án

a) Thành lập tỉnh Bắc Ninh (mới) trên cơ sở sắp xếp, sáp nhập địa giới đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang.

b) Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp.

* Tên gọi ĐVHC tỉnh mới: tỉnh Bắc Ninh.

Lý do đặt tên: Kế thừa yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa, tên gọi tỉnh Bắc Ninh đã có từ năm 1831. Tên Bắc Ninh không chỉ là biểu tượng hành chính mà còn là biểu tượng lịch sử, văn hóa sâu sắc gắn với Thủy tổ dân tộc Kinh Dương Vương, biểu tượng của cội nguồn Lạc Việt, gắn với Kinh đô Luy Lâu, minh chứng cho vị thế trung tâm sớm nhất về chính trị, văn hóa và phật giáo của

đất nước. Đây là nơi sinh ra và lưu giữ Dân ca Quan họ Bắc Ninh, một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO công nhận. Không chỉ vậy, Bắc Ninh còn là vùng đất của truyền thống khoa bảng, nơi sản sinh ra nhiều trạng nguyên, tiến sĩ hơn bất kỳ địa phương nào trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Những địa danh như Đền Đô (nơi thờ tám vị vua nhà Lý), chùa Dâu (ngôi chùa Phật giáo cổ nhất Việt Nam), chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích không chỉ là di sản văn hóa, mà còn là dấu ấn của một vùng đất từng là trung tâm chính trị và tôn giáo của nước Đại Việt. Vì vậy, sử dụng tên gọi Bắc Ninh cho tỉnh mới thể hiện chiều sâu văn hóa - lịch sử, mang ý nghĩa thiêng liêng, cội nguồn và dễ tạo được sự đồng thuận trong Nhân dân.

Là thương hiệu mạnh, có tính nhận diện cao trong nước và quốc tế: Bắc Ninh đã xây dựng được một thương hiệu mạnh mẽ trong thời kỳ hiện đại, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên trường quốc tế. Hiện nay, Bắc Ninh là một trong những trung tâm công nghiệp công nghệ cao hàng đầu cả nước, thu hút hàng loạt tập đoàn toàn cầu như Samsung, Foxconn, Canon, Amkor. Bắc Ninh đã được quy hoạch là một đô thị công nghiệp hiện đại, trung tâm logistics và dịch vụ tài chính quan trọng của miền Bắc. Nếu đổi sang một cái tên mới, tỉnh hợp nhất có thể sẽ mất đi nhiều lợi thế về thương hiệu và gây xáo trộn không cần thiết trong công tác quản lý hành chính, pháp lý, giấy tờ doanh nghiệp và chỉ dẫn địa lý.

Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và vùng Thủ đô Hà Nội: Theo chiến lược phát triển vùng, Bắc Ninh được định hướng trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ tài chính và đô thị thông minh, trở thành thành phố trực thuộc trung ương trước năm 2030. Tên Bắc Ninh không chỉ giữ lại di sản văn hóa, mà còn phản ánh đúng bản chất của một tỉnh đang chuyển mình mạnh mẽ, hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Việc giữ tên Bắc Ninh không chỉ dựa trên giá trị lịch sử - văn hóa mà còn phù hợp với định hướng phát triển vùng và chiến lược quy hoạch tổng thể quốc gia. Việc thay đổi, lấy tên khác có thể ảnh hưởng đến thương hiệu công nghiệp và môi trường đầu tư, trong khi giữ tên Bắc Ninh giúp bảo đảm tính liên tục của các chính sách, thuận lợi hơn trong quản lý hành chính và phát triển kinh tế.

Bảo đảm nguyên tắc sử dụng một trong các tên đã có, dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ,...: Việc chọn tên tỉnh mới là Bắc Ninh (một trong hai tên sẵn có trước sáp nhập) giúp: (1) Giảm thiểu xáo trộn giấy tờ, tiết kiệm ngân sách, nhân lực, thời gian sau sáp nhập, qua đó bảo đảm nguyên tắc hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp do phải chuyển đổi giấy tờ, chỉ dẫn địa lý; (2) đồng thời bảo đảm nguyên tắc dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ và phát huy được lợi thế so sánh của tỉnh mới với thương hiệu nhận diện là Bắc Ninh, phù hợp với xu thế hội nhập của đất nước trong kỷ nguyên mới.

* Nơi đặt Trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC tỉnh Bắc Ninh (mới): thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Lý do: Việc lựa chọn tỉnh lỵ tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang là phù hợp cả về lịch sử, văn hóa, định hướng phát triển và đúng chủ trương tại Kết luận số 130-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cụ thể như sau:

Về lịch sử, văn hóa và sự ổn định: Thành phố Bắc Giang có lịch sử lâu dài là một trung tâm hành chính, văn hóa của vùng. Từ thời Pháp thuộc là Phủ Lạng Thương đã được người Pháp xem xét và lựa chọn là Trung tâm hành chính của khu vực tỉnh Hà Bắc. Tháng 10 năm 1963, Quốc hội quyết định hợp nhất 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh; Bác Hồ và Trung ương đã đặt tên tỉnh là Hà Bắc, chọn thành phố Bắc Giang hiện tại là trung tâm hành chính. Thành phố Bắc Giang đã đóng vai trò là thủ phủ hơn 33 năm của tỉnh Hà Bắc cho đến khi tách thành 02 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh vào năm 1997.

Bắc Giang là trung tâm văn hóa, nơi giao thoa giữa văn hóa Kinh Bắc (Khu vực Bắc Ninh và Việt Yên, Hiệp Hòa - Bắc Giang) và văn hóa các dân tộc ít người (Tày, Nùng các vùng Yên Thế, Lạng Giang, Lục Ngạn, Sơn Động của Bắc Giang). Đặt tỉnh lỵ tại thành phố Bắc Giang hiện tại sẽ là trung tâm cho các nền văn hóa dễ giao thoa, hòa nhập, không thiên lệch, giúp bảo vệ đa dạng các văn hóa cộng đồng.

Bắc Giang có nền văn hóa lâu đời, phong phú và đa dạng, từng là trung tâm Phật giáo của cả nước thời Lý - Trần. Số lượng di tích văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đứng thứ 2 cả nước, nổi bật là con đường Hoàng dương Phật pháp của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, chùa Bỏ Đà, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Tây Yên Tử.

Về vị trí địa lý và an ninh quốc phòng:

- Thành phố Bắc Giang hiện tại sau khi sáp nhập 02 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang đáp ứng yếu tố Trung tâm của tỉnh, thuận lợi về giao thông đi đến tất cả các địa phương trong tỉnh với khoảng cách từ 40-70km (nếu đặt ở thành phố Bắc Ninh khoảng cách lên đến 90km).

- Bắc Giang từ xưa đến nay có vị trí chiến lược về quân sự, là phen dậu phía Bắc của Thủ đô Hà Nội (trong lịch sử đã chứng minh: Chiến thắng Chi Lăng- Xương Giang, Cần Trạm- Hố Cát, khởi nghĩa Yên Thế...). Việc đặt tỉnh lỵ ở phía Bắc sông Cầu là khoảng cách an toàn đảm bảo an ninh quốc phòng cho thủ đô Hà Nội và quốc gia; việc di chuyển đến các quân đoàn chủ lực đóng trên địa bàn thuận lợi, nhanh chóng.

Về đảm bảo cơ sở vật chất cho bộ máy hành chính hoạt động ổn định ngay khi sáp nhập và dự địa phát triển một đô thị quy mô lớn hiện đại:

* Đảm bảo cơ sở vật chất

- Tỉnh Bắc Giang hiện có 02 tòa Trung tâm hành chính (16 tầng) và vừa xây dựng xong thêm 01 tòa mới 21 tầng; trước mặt là quảng trường rộng phục vụ khối các cơ quan hành chính nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội.

- Trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan Đảng; trụ sở HĐND và UBND tỉnh vẫn đảm bảo chất lượng tốt.

- Thành phố Bắc Giang cũng mới xây dựng và đưa vào sử dụng trụ sở Thành ủy, UBND thành phố với 02 tòa nhà lớn, có trung tâm Hội nghị riêng, có quảng trường trước mặt. Sáp nhập tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh đặt trung tâm hành chính tại thành phố Bắc Giang hiện tại; đồng thời kết thúc hoạt động của cấp huyện thì toàn bộ cơ sở vật chất trên đáp ứng bố trí cho toàn bộ cán bộ cấp tỉnh của 02 tỉnh làm việc ổn định.

* Dự địa phát triển đô thị mới quy mô lớn, hiện đại

- Để tạo dự địa phát triển bứt phá trong thời gian tới; về lâu dài 2 tỉnh sau sáp nhập cần hình thành phải hình thành một đô thị mới với quy mô lớn, hiện đại. Vì vậy nên việc tiếp tục đặt trụ sở hành chính ở thành phố Bắc Ninh hay thành phố Bắc Giang (*trước khi sáp nhập với Yên Dũng*) là không phù hợp, do những khu vực này đã đến giới hạn về không gian phát triển.

- Tỉnh Bắc Giang đã quy hoạch trung tâm hành chính mới (trên 10.000ha) tại Khu vực phường Hương Gián, Tân An - thành phố Bắc Giang nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Bắc Giang, địa hình bằng phẳng, còn rất nhiều dự địa tạo không gian, động lực để phát triển lâu dài ổn định hàng trăm năm.

- Vị trí quy hoạch kết nối giao thông (*cả đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không*), hướng quay vào Lục Đầu Giang (*nơi hội tụ của 6 con sông lớn*) và biển Đông; dễ dàng di chuyển đến các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh thông qua hệ thống giao thông rất thuận tiện; khoảng cách di chuyển tương đồng (*trung bình khoảng 40km*). Cụ thể vị trí dự kiến đặt trung tâm chính trị với giao thông hiện hữu và giao thông đường bộ theo quy hoạch kết nối rất thuận tiện đến các tuyến đường huyết mạch, liên kết vùng động lực: Trục đại lộ Bắc Nam qua trung tâm chính trị mặt cắt 120m kết nối trực tiếp tới tuyến đường vành đai 5 thủ đô Hà Nội - Lạng Sơn (khoảng 5km); tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long (khoảng 15km); đường vành đai IV (khoảng 15km). Tuyến đường tỉnh 293 mặt cắt 60m kết nối trực tiếp cao tốc Hà Nội Lạng Sơn (khoảng cách 5km). Trục đại lộ Bắc Nam kết nối thuận tiện tới sân bay Gia Bình với khoảng cách khoảng 25km.

- Ngoài giao thông đường bộ còn nhiều tiềm năng khai thác phát triển giao thông đường sắt (Hà Nội- Đồng Đăng, Kép - Hạ Long) và giao thông đường thủy (gần sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam).

- Với tầm nhìn chiến lược, các khu công nghiệp đã được quy hoạch bao quanh thành phố Bắc Giang hiện tại, là động lực quan trọng phát triển trung tâm hành chính mới trở thành đô thị lớn, hiện đại, cung cấp nơi ở và các dịch vụ phục vụ doanh nghiệp và lao động trong các khu công nghiệp (*như dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển, giáo dục, đào tạo, y tế, vui chơi giải trí*). Trung tâm hành chính đặt tại vị trí đề xuất sẽ tạo động lực phát triển lan tỏa

đồng đều tới các địa phương khác trên địa bàn tỉnh, tạo ra sự đồng bộ trong việc phát triển toàn tỉnh.

- Mặt khác, với khoảng cách vừa đủ với trung tâm thành phố Hà Nội (không quá gần nhưng cũng không quá xa), vị trí đặt trung tâm hành chính tại tỉnh Bắc Giang có tiềm năng trở thành một trung tâm kinh tế mới của cả vùng, giảm tải áp lực lên Thủ đô Hà Nội.

2. Kết quả

- ĐVHC tỉnh hình thành sau sắp xếp: Tỉnh Bắc Ninh (mới) có diện tích tự nhiên là 4.718,6 km² (đạt tỷ lệ 94,3% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 3.619.433 người (đạt tỷ lệ 258,5% so với tiêu chuẩn) và 99 ĐVHC trực thuộc.

- Nơi đặt trung tâm chính trị - hành chính của ĐVHC tỉnh Bắc Ninh: Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

Sau khi sắp xếp, tỉnh Bắc Ninh (mới) có diện tích tự nhiên 4.718,6 km², đạt tỷ lệ 94,3% so với tiêu chuẩn, dân số 3.619.433 người, đạt tỷ lệ 258,5% so với tiêu chuẩn.

Việc sắp xếp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang để thành lập tỉnh Bắc Ninh (mới) là thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 130-KL/TW và Kết luận số 137-KL/TW và được nhân dân, **cử tri trên địa bàn hai tỉnh đồng thuận cao với tỷ lệ ...%**. Đồng thời, sáp nhập tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang là phù hợp với truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo tín ngưỡng do cùng có chung nguồn gốc lịch sử, cùng được tách ra từ tỉnh Hà Bắc.

Các ĐVHC cùng cấp giáp ranh như tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Quảng Ninh là hai tỉnh thuộc diện đặc thù biên giới nên không có trong định hướng sắp xếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên, thành phố Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên đều có trong các phương án giữ nguyên hoặc sắp xếp theo chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư nên không thể sắp xếp với các ĐVHC tỉnh liên kề khác.

Mặt khác, tỉnh Bắc Ninh trước khi sáp nhập đã được định hướng quy hoạch đến năm 2030, đạt các tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với quy mô kinh tế thuộc nhóm cao của cả nước, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024. Sau khi sáp nhập tỉnh Bắc Ninh mới tiếp tục phấn đấu xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đô thị để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo lộ trình, đảm bảo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương về diện tích tự

nhiên đạt tỷ lệ 314,6%, tiêu chuẩn về quy mô dân số đạt tỷ lệ 241,3% so với quy định.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, SÁP NHẬP ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành lập tỉnh Bắc Ninh (mới) trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh với tỉnh Bắc Giang sẽ tạo thế và lực mới trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; là điều kiện để tạo sự thay đổi về cơ cấu sản xuất; cơ cấu ngành nghề; tổ chức sinh hoạt xã hội; tổ chức không gian kiến trúc xây dựng; thu hút nguồn lực đầu tư; phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ. Tỉnh Bắc Ninh mới sẽ nằm ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế lớn Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh cùng với hành lang xuyên Á quan trọng từ Nam Ninh đến Singapore. Bắc Ninh cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành chuỗi liên hoàn, có vai trò là trọng tâm, nòng cốt phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và vùng Đông Bắc Việt Nam, đồng thời tạo liên kết phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ và cung ứng, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn trên toàn quốc và thế giới.

1. Tác động tích cực

1.1. Về hoạt động quản lý nhà nước

a) Thực hiện hiệu quả chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; giải quyết, phục vụ, chăm lo an sinh xã hội cho người dân.

b) Tinh gọn tổ chức bộ máy, đảm bảo quy mô quản lý phù hợp; tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nói riêng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng hoạt động của bộ máy hành chính cấp tỉnh, cấp xã; góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương;

c) Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức dôi dư, tạo điều kiện để cơ cấu lại và lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, tâm huyết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn của vị trí việc

làm. Qua đó nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

d) Góp phần thực hiện công tác cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức.

1.2. Về kinh tế - xã hội

Mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực của tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh; là thời cơ, động lực để bứt phá, vươn mình trong phát triển kinh tế - xã hội của kỷ nguyên mới.

Có điều kiện về tài nguyên thiên nhiên để mở rộng không gian, phạm vi quy hoạch, tăng cường thu hút đầu tư, kiến thiết, xây dựng các công trình, dự án, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội mang tầm cỡ trong khu vực; góp phần tăng thu ngân sách, giảm đầu tư công trong xây dựng hạ tầng giao thông và phát triển đô thị

Tạo tiền đề thuận lợi để tỉnh mới Bắc Ninh thực hiện vai trò là cửa ngõ, trung tâm kinh tế, văn hóa lớn ở phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội, có vị trí, vai trò chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia, đồng thời cũng là điều kiện để trở thành trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyển, sản xuất hàng hóa của Việt Nam và thế giới.

Là điều kiện tốt để trở thành những công xưởng sản xuất quy mô lớn của Việt Nam và thế giới, tránh được tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch.

Là động lực để xây dựng, quy hoạch, mở rộng hệ thống giao thông kết nối, liên hoàn Côn Minh-Lào Cai-Hà Nội-Bắc Ninh-Hải Phòng-Quảng Ninh; Nam Ninh-Lạng Sơn-Bắc Ninh-Hà Nội-Thành phố Hồ Chí Minh.

Sáp nhập tỉnh nhằm tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đồng nghĩa giảm gánh nặng chi ngân sách hàng năm, tích lũy, tiết kiệm được nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Sau sắp xếp sáp nhập tỉnh, hệ thống giáo dục, y tế sẽ được kiện toàn, đầu tư nâng cao chất lượng, góp phần phục vụ nhân dân được tốt hơn, công tác đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm chú trọng.

1.3. Về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

Làm cơ sở để tỉnh mới thành lập rà soát, xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể về bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn theo từng giai đoạn, từng vùng; quy hoạch hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện; đồng thời, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ quan, doanh trại các cấp, các công trình quốc phòng trong căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, khu cất giấu vũ khí, trang bị, bãi tập, bến hạ thủy và một số hạng mục công trình mang tính lưỡng dụng, bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu dân sinh và cơ động lực lượng, phương

tiện khi có tình huống. Đây được xem là cơ sở quan trọng để công tác quốc phòng an ninh của quốc gia nói chung và tỉnh Bắc Ninh mới nói riêng tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từ đó an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố; số lượng, chất lượng của lực lượng công an, quân sự từ tỉnh đến xã, phường, thôn, tổ dân phố được nâng cao; công tác triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn được thực hiện thống nhất dẫn đến phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự được phát triển hơn.

Việc đầu tư, xây dựng cho quốc phòng, an ninh sẽ được tập trung hơn sau sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh; việc tập hợp lực lượng để bố trí thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cũng được tăng cường. Từ đó, đảm bảo các điều kiện để thực hiện việc quản lý về quốc phòng, an ninh, giúp phát huy hiệu quả, tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

1.4. Về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

Sau sáp nhập tỉnh, với lượng công chức phù hợp sẽ nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần phục vụ Nhân dân tốt hơn. Bộ máy hành chính nhà nước mới có thể đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho người dân cũng như thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương.

Sau sáp nhập, Trung tâm hành chính công của tỉnh được kiện toàn, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã được củng cố, sẽ lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Qua đó, tạo điều kiện phục vụ Nhân dân tốt hơn. Đồng thời việc ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thống nhất.

2. Tác động tiêu cực

2.1. Về hoạt động quản lý nhà nước

Quy mô dân số và diện tích lớn hơn nên công tác quản lý nhà nước thời gian đầu của bộ máy hành chính gặp khó khăn.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sáp nhập sẽ dồi dào; việc phân công, bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dồi dào sẽ có những khó khăn.

2.2. Về kinh tế - xã hội

Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sẽ bị dư thừa do chuyển địa điểm làm việc của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Cuộc sống của một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xáo trộn do thay đổi địa điểm công tác, nơi làm việc; đồng thời cuộc sống của người

dân cũng bị xáo trộn trong giai đoạn đầu do thay đổi về địa điểm giao dịch, thay đổi về thủ tục hành chính, thay đổi các loại giấy tờ có liên quan; cấu trúc, không gian văn hóa làng xã trước đây sẽ có sự thay đổi nhất định ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

2.3. Về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội

Sau sáp nhập, tỉnh Bắc Ninh mới sẽ có quy mô diện tích và dân số lớn hơn, nhiều thành phần dân cư hơn nên nguy cơ tiềm ẩn nhiều tệ nạn xã hội, cho nên công tác nắm bắt địa bàn, đối tượng gặp khó khăn; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội phức tạp hơn phần nào gây khó khăn cho công tác quản lý.

Sau sáp nhập, tỉnh mới sẽ có vị trí địa lý giáp danh với các khu vực đang phát triển mạnh nên tiềm ẩn một số vấn đề về an ninh trật tự khó lường, khó nắm bắt.

2.4. Về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

Sau sáp nhập, trên địa bàn tỉnh dân số đông, dẫn đến nhu cầu chuyển đổi giấy tờ của người dân và doanh nghiệp sẽ tăng lên, khối lượng công việc về thủ tục hành chính, nhu cầu về dịch vụ công sẽ tăng mạnh trong khi số lượng nhân sự có hạn, thời gian đầu sẽ khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục. Bên cạnh đó, phần lớn người dân lớn tuổi chưa tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ thông tin, dẫn đến khả năng tiếp cận và sử dụng internet còn thấp, đây là khó khăn, trở ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến..

Việc tinh gọn bộ máy gắn với sáp nhập các đơn vị hành chính, nếu việc ứng dụng công nghệ số trong giải quyết công việc không tốt sẽ dẫn đến tình trạng quá tải, chậm trễ khi giải quyết hồ sơ TTHC.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

*** Nguyên tắc sắp xếp:**

a) Đối với các sở, cơ quan tương đương sở:

- Hợp nhất các sở, cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.
- Đối với một số cơ quan, đơn vị của tỉnh Bắc Giang hoặc tỉnh Bắc Ninh hiện có nhưng tỉnh còn lại không có (*như: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh*): Giữ nguyên mô hình tổ chức và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế

để bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công khi hợp nhất hai tỉnh.

b) Đối với cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong các sở, cơ quan:

- Hợp nhất các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các chi cục có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Chuyển chức năng thanh tra các sở về Thanh tra tỉnh và tổ chức lại Thanh tra tỉnh (theo đề án của Trung ương về sắp xếp cơ quan thanh tra).

- Giữ nguyên các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và trực thuộc các sở, cơ quan để tổ chức hoạt động theo địa bàn. Sau khi hợp nhất hai tỉnh, sẽ khảo sát, đánh giá và xem xét tổ chức lại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, bảo đảm việc tiếp tục cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và phù hợp với tình hình thực tiễn. Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế: Chuyển các Trung tâm Y tế cấp huyện về trực thuộc Sở Y tế quản lý (trừ các Trạm Y tế cấp xã chuyển về cấp xã) theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

c) Đối với các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc UBND hai tỉnh⁹

Thống nhất đổi tên thành các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng (theo lĩnh vực chuyên ngành) tỉnh Bắc Ninh + số thứ tự của ban. Các Ban sẽ tiếp tục hoạt động theo khu vực.

d) Về biên chế cán bộ, công chức, viên chức, LĐLĐ:

Thực hiện giao biên chế cho các sở, cơ quan, đơn vị theo số cán bộ, công chức, viên chức, LĐLĐ hiện có mặt theo quy định tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Biên chế của Thanh tra tỉnh trước mắt giao theo số hiện có của Thanh tra hai tỉnh. Khi có Đề án của Trung ương sẽ bổ sung một phần số biên chế của Thanh tra các sở về Thanh tra tỉnh. Số còn lại sẽ để lại các sở để làm công tác tiếp dân, giải quyết KNTC và PCTN.

A. KHỞI ĐẢNG

1. Thành lập Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (mới)

- Thành lập Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (mới) trực thuộc Trung ương, gồm có...đảng viên và ...đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ UBND tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, 99 đảng bộ cấp xã).

- Chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (mới) gồm có 84 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 24 đồng chí; Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí

⁹ Hiện có 04 ban: Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang; Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và đô thị tỉnh Bắc Ninh; Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang; Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh);

Phó Bí thư Tỉnh ủy theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và hướng dẫn của Trung ương.

- Chỉ định Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy, Phó Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy, Ủy viên UBKT Tỉnh ủy theo quy định của Điều lệ Đảng.

2. Thành lập các cơ quan chuyên môn giúp việc Tỉnh ủy

2.1. Thành lập Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh và Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Giang

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Văn phòng trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai Văn phòng. Sau sắp xếp: Có 05 phòng, giảm 05 phòng.

- Về số lượng biên chế sau sắp xếp: được giao 68 CC, 27 NLD; hiện có 61 CC, 25 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.2. Thành lập Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Ninh với Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ sau sắp xếp: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Ban Tổ chức trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai Ban. Sau sắp xếp: Có 04 phòng, giảm 04 phòng.

- Về số lượng biên chế: được giao 56 CC, 09 NLD; hiện có 53 CC, 06 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.3. Thành lập Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Ninh và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai cơ quan. Sau sắp xếp: Có 04 phòng, giảm 04 phòng.

- Về số lượng biên chế sau sắp xếp: được giao 45 CC, 08 NLD; hiện có 43 CC, 06 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.4. Thành lập Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bắc Ninh với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Ban trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai Ban. Sau sắp xếp: Có 06 phòng, giảm 06 phòng.

- Về số lượng biên chế sau sắp xếp: được giao 80 CC, 14 NLD; hiện có 75 CC, 12 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.5. Thành lập Ban Nội chính Tỉnh uỷ Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Ban Nội chính Tỉnh uỷ Bắc Ninh và Ban Nội chính Tỉnh uỷ Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Ban trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai Ban. Sau sắp xếp: Có 04 phòng, giảm 03 phòng.

- Về số lượng biên chế sau sắp xếp: được giao 32 CC, 08 NLD; hiện có 32 CC, 08 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.6. Thành lập mới Đảng uỷ cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Đảng uỷ cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh và Đảng uỷ cơ quan Đảng tỉnh Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Đảng uỷ trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai Đảng uỷ. Sau sắp xếp: Có 04 phòng, giảm 04 phòng.

- Về số lượng biên chế: được giao 20 CC, 05 NLD; hiện có 17 CC, 05 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.7. Đảng uỷ UBND tỉnh Bắc Ninh: Hợp nhất Đảng uỷ UBND tỉnh Bắc Ninh với Đảng uỷ UBND tỉnh Bắc Giang để thành lập mới Đảng uỷ UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Đảng uỷ trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai Đảng uỷ. Sau sắp xếp: Có phòng, giảm ... phòng.

- Về số lượng biên chế: được giao 29 CC, 05 NLD, hiện có 24 CC, 04 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.8. Thành lập Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Báo Bắc Ninh và Báo tỉnh Bắc Giang; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bắc Ninh và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình hai tỉnh trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai đơn vị. Sau sắp xếp: Có 09 phòng, 01 trung tâm, giảm 21 phòng.

- Về số lượng biên chế: được giao 250 VC, 11 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

Đề nghị Trung ương thống nhất cho thời gian thực hiện sắp xếp cùng với thời điểm Nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực thi hành.

2.9. Thành lập Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ trên cơ sở hợp nhất Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ và Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang.

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai đơn vị trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai đơn vị. Sau sắp xếp: Có 05 phòng, giảm 05 phòng.

- Về số lượng biên chế: được giao 84 VC, 14 NLD; hiện có được giao 82 VC, 11 NLD.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

2.10. Thành lập Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Ninh (mới) trên cơ sở hợp nhất Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Ninh và Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang.

2.10.1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban MTTQ gồm có: (1) Văn phòng; (2) Ban Dân chủ, Giám sát và phản biện xã hội; (3) Ban Tổ chức - kiểm tra.

2.10.2. Thành lập các ban trên cơ sở hợp nhất các tổ chức chính trị - xã hội của hai tỉnh trước khi sắp xếp:

Tiếp nhận nguyên trạng bộ máy, tổ chức Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan sau khi sắp xếp, gồm:

a) Thành lập 02 ban: Ban Công tác công đoàn và Ban công đoàn khu công nghiệp trên cơ sở hợp nhất Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Ninh và Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Giang.

b) Thành lập Ban Nông dân tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Hội Nông dân tỉnh Bắc Ninh và Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang.

c) Thành lập Ban Công tác Thiếu nhi trên cơ sở hợp nhất Tỉnh đoàn Thanh niên Bắc Ninh và Tỉnh đoàn Thanh niên Bắc Giang.

d) Thành lập Ban Công tác Phụ nữ trên cơ sở hợp nhất Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bắc Ninh và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bắc Giang.

đ) Thành lập Ban Công tác Cựu chiến binh trên cơ sở hợp nhất Hội Cựu chiến binh tỉnh Bắc Ninh và Hội Cựu chiến binh tỉnh Bắc Giang.

e) Thành lập Ban Công tác Hội quần chúng (hoặc Ban tuyên truyền và vận động xã hội) trên cơ sở hợp nhất các Hội quần chúng được Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang.

Sau sắp xếp: Có 01 Văn phòng, 08 Ban và 03 đơn vị sự nghiệp.

2.10.3. Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ của 02 tỉnh trước khi sắp xếp.

- Về số lượng biên chế: được giao 312 CCVC, 44 NLĐ; hiện có 300 CCVC, 33 NLĐ.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cũ.

(chi tiết có đề án sắp xếp riêng)

B. KHÔI NHÀ NƯỚC

1. Đoàn Đại biểu Quốc hội

- Đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh Bắc Ninh (08 đại biểu) và đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh Bắc Giang (08 đại biểu) hợp thành đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh Bắc Ninh mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ.

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Ninh mới (16 đại biểu), việc kiện toàn Trưởng đoàn, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách theo quy định tại Kết luận số 50-KL/TW và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cơ quan chuyên môn giúp việc: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

2. Chính quyền tỉnh Bắc Ninh (mới)

2.1. HĐND tỉnh Bắc Ninh (mới)

- Đại biểu HĐND tỉnh Bắc Ninh (50 đại biểu) và đại biểu HĐND tỉnh Bắc Giang (69 đại biểu) hợp thành đại biểu HĐND tỉnh Bắc Ninh (mới) và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, các Phó trưởng ban của HĐND tỉnh được Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định theo Kết luận số 150-KL/TW và quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Khóa của HĐND tỉnh Bắc Ninh (mới) lấy theo khóa của HĐND tỉnh Bắc Ninh hiện nay (Khóa XIX).

- Hợp nhất các Ban Pháp chế, Ban Văn hóa xã hội, Ban Kinh tế của tỉnh Bắc Giang với Ban Pháp chế, Ban Văn hóa xã hội và Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh Bắc Ninh để thành Ban Pháp chế, Ban Văn hóa xã hội và Ban Kinh tế-Ngân sách thuộc HĐND tỉnh Bắc Ninh (mới).

Số lượng Phó Trưởng ban hoạt động chuyên trách và Ủy viên khác của các Ban của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 không vượt quá tổng số lãnh đạo Ban và Ủy viên khác trước khi sắp xếp.

- Hợp nhất Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND của hai tỉnh thành Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh Bắc Ninh (mới).

+ Về tổ chức bộ máy: Sau sắp xếp, Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh Bắc Ninh có 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương, giảm 03 phòng.

+ Về biên chế: Số giao năm 2025: 59 CC, 25 LĐHĐ; số có mặt: 59 CC, 24 LĐHĐ.

2.2. UBND tỉnh Bắc Ninh (mới)

- Chủ tịch UBND, các Phó Chủ tịch UBND và các Ủy viên UBND (là người đứng đầu cơ quan Công an, Quân sự và các cơ quan chuyên môn) do Thủ tướng Chính phủ chỉ định theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kết luận số 150-KL/TW của Bộ Chính trị và phân cấp quản lý cán bộ.

2.3. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bắc Ninh (mới)

Sắp xếp, hợp nhất 28 Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bắc Ninh và UBND tỉnh Bắc Giang thành 15 Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bắc Ninh (mới), cụ thể:

2.3.1. Thành lập Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Tài chính của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra 02 sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 10 phòng, giảm 10 phòng; có 03 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 191 CC, 86 VC hưởng lương từ NSNN, 06 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 180 CC, 65 VC hưởng lương từ NSNN, 06 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.2. Thành lập Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra 02 sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 09 phòng, giảm 11 phòng; có 12 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 170 CC, 39 VC hưởng lương từ NSNN, 0 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 161 CC, 35 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.3. Thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Môi trường của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra 02 sở về Thanh tra tỉnh. Sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở NNMT tỉnh Bắc Ninh về Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Bắc Giang (là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh). Giữ nguyên các đơn vị SNCL còn lại trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 07 phòng, giảm 08 phòng; có 06 chi cục, giảm 03 chi cục; có 12 đơn vị SNCL thuộc sở, giảm 01 đơn vị (TT Phát triển quỹ đất) thuộc sở; có 01 đơn vị SNCL thuộc chi cục.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 437 CC, 544 VC hưởng lương từ NSNN, 233 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 405 CC, 517 VC hưởng lương từ NSNN, 09 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.4. Thành lập Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 06 phòng, giảm 06 phòng; có 01 chi cục; có 03 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 106 CC, 129 VC hưởng lương từ NSNN, 09 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 96 CC, 121 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.5. Thành lập Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Nội vụ của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh. Chuyển Phòng Tôn giáo của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh về Sở Dân tộc và Tôn giáo. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 08 phòng, giảm 10 phòng; có 05 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 158 CC, 220 VC hưởng lương từ NSNN, 05 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 151 CC, 158 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.6. Thành lập Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Y tế của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh.

Sau sắp xếp: Có 08 phòng, giảm 07 phòng; có 02 chi cục, tăng 01 chi cục (do sáp nhập Ban An toàn thực phẩm của Bắc Ninh và Phòng An toàn thực phẩm để chuyển thành Chi cục ATTP; sáp nhập Phòng Dân số và trẻ em của hai tỉnh chuyển thành Chi cục Dân số và trẻ em); có 40 đơn vị SNCL. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở (bao gồm cả các Trung tâm Y tế cấp huyện của hai tỉnh chuyển về thuộc Sở Y tế quản lý).

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 142 CC, 1613 VC hưởng lương từ NSNN, 268 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 134 CC, 1416 VC hưởng lương từ NSNN, 179 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.7. Thành lập Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở. 03 trường cao đẳng chuyển về trực thuộc UBND tỉnh.

Sau sắp xếp: Có 09 phòng, giảm 08 phòng; có 80 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 103 CC, 5901 VC hưởng lương từ NSNN, 167 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 103 CC, 5724 VC hưởng lương từ NSNN, 70 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.8. Thành lập Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Công Thương của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 06 phòng, giảm 06 phòng; có 01 chi cục, giảm 01 chi cục; có 02 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 228 CC, 63 VC hưởng lương từ NSNN, 02 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 223 CC, 66 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.9. Thành lập Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 07 phòng, giảm 07 phòng; có 10 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 92 CC, 447 VC hưởng lương từ NSNN, 09 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 90 CC, 430 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.10. Thành lập Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Sở trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai sở; chuyển thanh tra sở về Thanh tra tỉnh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai sở.

Sau sắp xếp: Có 06 phòng, giảm 03 phòng; có 06 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 52 CC, 56 VC hưởng lương từ NSNN, 19 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 49 CC, 53 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.11. Thành lập Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Văn phòng UBND tỉnh của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai cơ quan; chuyển Trung tâm Phục vụ Hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang về Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Ninh. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai cơ quan.

Sau sắp xếp: Có 08 phòng, giảm 09 phòng; có 04 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 114 CC, 76 VC hưởng lương từ NSNN, 0 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 105 CC, 75 VC hưởng lương từ NSNN.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.12. Thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Giang và tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ về tôn giáo, tín ngưỡng từ Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Giang và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ tôn giáo, tín ngưỡng từ Phòng Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh.

- Về tổ chức bộ máy: Tiếp nhận Phòng Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh và hợp nhất với Phòng Tôn giáo hiện có. Tổ chức lại Phòng Công tác dân tộc thành Phòng Chính sách và Phòng Công tác dân tộc trên cơ sở tổ chức lại nhiệm vụ của Phòng Công tác dân tộc và một số nhiệm vụ của Thanh tra sở trước đây. Chuyển Thanh tra sở về Thanh tra tỉnh.

Sau sắp xếp: Có 04 phòng, giảm 01 phòng (thanh tra sở).

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 31 CC. Số có mặt: 31 CC (*Chưa tính số CC của Phòng Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh chuyển về, dự kiến có 09 biên chế, có mặt 09 công chức*).

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.13. Thành lập Thanh tra tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Thanh tra của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Thanh tra tỉnh trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai thanh tra; tiếp nhận thanh tra các sở về Thanh tra tỉnh và tổ chức lại thành các phòng nghiệp vụ.

Sau sắp xếp: Có 09 phòng (lấy dự kiến theo đề án trước đây của Thanh tra Chính phủ); giảm 23 phòng (tính cả 21 thanh tra các sở chuyển về).

(PA cụ thể theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ- hiện chưa có chính thức)

- Về biên chế: Số giao năm 2025 của thanh tra hai tỉnh: 69 CC; số có mặt: 68 CC. Trường hợp định mức biên chế của Trung ương cao hơn thì sẽ bổ sung số biên chế từ thanh tra các sở về (*hiện có 128 CC thanh tra các sở*).

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.14. Tổ chức lại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Ninh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phục vụ Hành chính công của hai tỉnh trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Tổ chức lại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tiếp nhận Trung tâm Phục vụ Hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang. Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai trung tâm và chuyển 08 chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện ở tỉnh Bắc Ninh về cơ sở cấp xã.

Sau sắp xếp: Có 04 phòng, bộ phận (*Các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo các lĩnh vực*); giảm 09 đầu mối (*gồm 01 Trung tâm PVHCC thuộc Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang và 08 chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện ở tỉnh Bắc Ninh do chuyển về cơ sở cấp xã*).

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 18 CC, 73 VC hưởng lương NSNN. Số có mặt: 18 CC, 68 VC hưởng lương NSNN (chưa tính số CCVC của TT Phục vụ HCC tỉnh Bắc Giang chuyển sang).

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

2.3.15. Thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý các Khu công nghiệp của hai tỉnh

- Về chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của hai Ban trước khi hợp nhất.

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện hợp nhất các phòng, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của hai ban. Giữ nguyên các đơn vị SNCL trực thuộc hai ban.

Sau sắp xếp: Có 06 phòng, giảm 04 phòng; có 02 đơn vị SNCL.

- Về biên chế: Số giao năm 2025: 57 CC, 26 VC hưởng lương từ NSNN, 23 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Số có mặt: 57 CC, 26 VC hưởng lương từ NSNN, 09 VC hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Về trụ sở: đặt tại thành phố Bắc Giang hiện nay.

(có phương án sắp xếp cụ thể của các sở, cơ quan kèm theo)

* Sau sắp xếp: Có 111 phòng và tương đương, giảm 125 phòng, tỷ lệ giảm 52,9%; có 10 chi cục, giảm 03 chi cục; có 179 đơn vị SNCL trực thuộc sở, giảm 01 TT phát triển quỹ đất thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, còn lại giữ nguyên số đơn vị *(trong đó có 59 đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, 40 đơn vị sự nghiệp y tế, 80 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo)*.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh

3.1. Đổi tên Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang thành *Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và đô thị tỉnh Bắc Ninh số 1*.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh giao Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và đô thị tỉnh Bắc Ninh số 1 *tiếp nhận và quản lý 10 Ban quản lý dự án ĐTXD cấp huyện hiện có của tỉnh Bắc Giang khi kết thúc hoạt động cấp huyện*.

3.2. Đổi tên Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và đô thị tỉnh Bắc Ninh thành *Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và đô thị tỉnh Bắc Ninh số 2* và *tiếp nhận và quản lý 08 Ban quản lý dự án ĐTXD cấp huyện hiện có của tỉnh Bắc Ninh khi kết thúc hoạt động cấp huyện*.

3.3. Đổi tên Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thành *Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1*.

3.4. Đổi tên Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh thành *Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 2*.

3.5. Hợp nhất Đài Phát thanh và Truyền hình của hai tỉnh, đồng thời sáp nhập với cơ quan Báo Bắc Giang, Báo Bắc Ninh thành 01 đơn vị *(nội dung này có đề án riêng)*.

3.6. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bắc Giang *đổi tên thành Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bắc Ninh* và tiếp nhận Trung tâm phát triển quỹ đất từ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh; đồng thời, tiếp nhận và quản lý 10 Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện hiện có của tỉnh Bắc Giang và 02 Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện hiện có của tỉnh Bắc Ninh.

3.7. Đối với các trường cao đẳng

Giữ nguyên 06 trường cao đẳng trực thuộc UBND tỉnh hiện có ở tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh, gồm:

- Trường Cao đẳng Bắc Giang;
- Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang;
- Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang;
- Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;
- Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh;
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

* Sau sắp xếp, có 11 đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh, giảm 02 đơn vị (*hai Đài Phát thanh và Truyền hình sáp nhập với cơ quan Báo*).

3.8. Đối với các trường trung cấp và tương đương thuộc các sở

Giữ nguyên 05 trường trung cấp hiện có trực thuộc các sở của tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh, gồm:

- Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang trực thuộc Sở Văn hóa TTDL tỉnh Bắc Giang;
- Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Bắc Giang trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang;
- Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch tỉnh Bắc Ninh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh;
- Trường Trung cấp nghề Kinh tế- Kỹ thuật và Thủ công mỹ nghệ truyền thống Thuận Thành trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh;
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo và sát hạch lái xe Bắc Ninh trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.

3.9. Sắp xếp, tổ chức Trung tâm Bơm tiêu thoát nước đô thị thành phố Bắc Giang về trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (hoặc Sở Xây dựng).

4. Về Quỹ đầu tư phát triển tỉnh

Hợp nhất hai Quỹ Đầu tư phát triển của hai tỉnh (là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, là đơn vị tự chủ 100% kinh phí) thành Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

C. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN

1. Hiện trạng

- Tỉnh Bắc Giang có 09 cơ quan chuyên môn thuộc các cơ quan Trung ương trên địa bàn gồm: (1) Công an, (2) Bộ Chỉ huy Quân sự; (3) Chi cục Thi hành án; (4) Viện Kiểm sát nhân dân; (5) Tòa án nhân dân; (6) Chi cục Thuế; (7) Bảo hiểm xã hội; (8) Kho bạc nhà nước; (9) Chi Cục Thống kê.

- Tỉnh Bắc Ninh có 10 cơ quan chuyên môn thuộc các cơ quan Trung ương trên địa bàn gồm: (1) Công an; (2) Bộ Chỉ huy Quân sự; (3) Viện Kiểm sát nhân dân; (4) Tòa án nhân dân; (5) Chi cục Thi hành án; (6) Chi cục Thuế; (7) Bảo hiểm xã hội; (8) Kho bạc nhà nước; (9) Chi Cục Thống kê; (10) Cục Hải quan.

2. Phương án sắp xếp các cơ quan trung ương trên địa bàn

2.1. Cơ quan, đơn vị đã tổ chức sắp xếp

Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh đã sáp nhập và tổ chức hoạt động từ 01/4/2025.

2.2. Cơ quan, đơn vị chưa tổ chức sắp xếp, dự kiến phương án sắp xếp

Một số cơ quan, đơn vị chưa tổ chức sắp xếp gồm: (1) Công an tỉnh; (2) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; (3) Chi cục thi hành án; (4) Chi Cục thuế; (5) Chi Cục Thống kê; (6) Kho bạc Nhà nước; (8) Cục Hải quan.

UBND tỉnh Bắc Ninh (mới) sẽ có phương án chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để bố trí địa điểm đặt trụ sở làm việc, lập hồ sơ, thực hiện sắp xếp các đơn vị nêu trên đảm bảo theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 76/UBTVQH15 ngày 15/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.3. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sắp xếp, hợp nhất Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

Sắp xếp lại Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn hai tỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn của ngành.

2.4. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao sắp xếp, hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang để thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh (mới) theo quy định tại Luật Tổ chức Tòa án năm 2024.

Sắp xếp lại Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn hai tỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn nhiệm vụ của ngành.

D. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG THUỘC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Trên cơ sở quy hoạch, tỉnh Bắc Giang tiếp tục phát triển 02 Khu Đại học 1 và Đại học 2 để hình thành Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cấp quốc gia và quốc tế, tổng diện tích 1.115ha, trong đó Khu Đại học 1 đã cơ bản được đăng ký lấp đầy, đạt 84,56% quỹ đất đào tạo. Tỷ lệ lấp đầy tại Khu Đại học 2 là 36,98%. Trong đó có nhiều trường Đại học lớn như: Đại học Y Hà Nội, Đại học Dược Hà Nội, Học viện Chính sách và Phát triển, Học viện Ngân hàng, Khu liên hợp Công nghệ thông tin và trường Đại học Quốc tế Bắc Hà; Trường Đại học Nông lâm (Bắc Giang), Trường Cao Đẳng công nghiệp (Bắc Giang)...

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

- Tổng số biên chế giao: 64.345 biên chế; số cán bộ, công chức, viên chức có mặt tại thời điểm 01/4/2025 là 63.253 người.

- Bố trí theo định mức biên chế quy định...người; số cán bộ, công chức, viên chức dôi dư (không bao gồm viên chức giáo dục, viên chức Y tế) là...người. *(dự kiến định mức cấp xã ... biên chế/xã)*

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

- Theo Chỉ đạo của Trung ương, sau sắp xếp các cơ quan có trách nhiệm tinh gọn biên chế theo lộ trình 05 năm (60 tháng) giảm 20% số biên chế so với trước khi sắp xếp. Theo đó, số cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị sắp xếp phải tinh giản là 1.280 biên chế.

- Lộ trình tinh giản và giải quyết chính sách 1.280 biên chế: Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi tự nguyện đăng ký nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2019/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ (số lượng...người đã đăng ký, nghỉ theo lộ trình: Năm 2025 có 651 người; năm 2026 có 214 người; năm 2027 có 127 người; năm 2028 có 162 người; năm 2029 có 216 người (trong đó số người trong độ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Luật Lao động từ nay đến năm 2029 có 468 người).

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

A. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TRỤ SỞ LÀM VIỆC

(Đã có văn bản đề nghị Sở Xây dựng chủ trì gửi về SNV trước ngày 16/4/2025)

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ LÀM VIỆC DÔI DƯ

(Đã có văn bản đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan (cả Bắc Ninh) gửi về SNV trước ngày 16/4/2025)

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI TỈNH BẮC NINH SAU SẮP XẾP

Trên cơ sở quy định của Trung ương, tiếp tục duy trì, triển khai thực hiện có hiệu quả các chế độ chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc và miền núi như: Đào tạo nghề; chính sách vay vốn tín dụng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Bắc Giang 3 năm 2024-2026 gồm giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị....

Đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện chính sách thu hút cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, hưởng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ.

Tiếp tục thực hiện các chính sách chế độ đặc thù về giáo dục, y tế; thu hút doanh nghiệp.

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Nội dung, nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, cơ quan thực hiện

1.1. Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh chủ động xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, cập nhật phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã vào bản đồ phương án kèm theo Đề án sáp nhập tỉnh. Phối hợp với các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Đề án sáp nhập tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Thời gian hoàn thành: Hoàn thành trước ngày 01.5.2025.

Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã, Nghị quyết của Quốc hội về sáp nhập tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (sau sắp xếp).

Thời gian hoàn thành: Trước ngày Nghị quyết của Quốc hội về thành lập đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

1.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Giang chủ trì, phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Ninh tham mưu Tỉnh ủy Bắc Giang, Bắc Ninh trình Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị chỉ định ban chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy

viên ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh (sau khi sắp xếp) nhiệm kỳ 2020-2025.

Thời gian hoàn thành: Theo lịch trình của Trung ương

1.3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Giang, Bắc Ninh tham mưu quyết định giải thể, thành lập các tổ chức đảng cơ sở; sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý; tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Tỉnh ủy.

Thời gian thực hiện: Trước ngày Nghị quyết của Quốc hội về thành lập đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

1.4. Ủy ban MTTQVN tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQVN tỉnh Bắc Ninh sắp xếp tổ chức bộ máy Ủy ban MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng cấp tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương.

Thời gian thực hiện: Trước ngày Nghị quyết của Quốc hội về thành lập đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

1.5. Thường trực HĐND tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh Bắc Ninh sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự các ban của HĐND tỉnh

Thời gian thực hiện: Trước ngày Nghị quyết của Quốc hội về thành lập đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

1.6. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Bắc Ninh sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan giúp việc HĐND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

1.7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với ngành chuyên môn tỉnh Bắc Ninh sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công thuộc UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

1.8. Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh rà soát, bố trí phương tiện làm việc của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, sở ngành của tỉnh mới; phương án xử lý trụ sở làm việc các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã dôi dư của 02 tỉnh.

Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

1.9. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh cập nhật, bổ sung hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn 02 tỉnh để đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành được thống suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Cập nhật, điều chỉnh quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thông suốt

Thời gian thực hiện: Xong trước ngày Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

2.1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương của 02 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang căn cứ nội dung, nhiệm vụ trên triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, chất lượng, đảm bảo hoàn thành theo tiến độ. Chủ động phối hợp để hoàn thiện đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

2.2. Cấp ủy, tổ chức đảng nơi có các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị báo cáo đề xuất với ngành dọc để phối hợp sắp xếp, thành lập tổ chức đảng cơ sở, bố trí trụ sở làm việc đảm bảo hoạt động hiệu quả, thông suốt.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Sắp xếp, sáp nhập địa giới đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh với tỉnh Bắc Giang xuất phát từ yêu cầu thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. UBND tỉnh Bắc Giang đã chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Bắc Ninh triển khai thực hiện lập hồ sơ, xây dựng Đề án đảm bảo đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về sắp xếp ĐVHC, được cử tri và nhân dân hai tỉnh đồng thuận cao.

2. Kiến nghị, đề xuất

Trên đây là Đề án sắp xếp tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh Bắc Giang kính trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, HĐND 02 tỉnh;
- CT các PCT UBND 02 tỉnh;
- Các Sở, ngành 02 tỉnh;
- UBND cấp huyện 02 tỉnh;
- Thành viên BCD 02 tỉnh;
- VP UBND 02 tỉnh: LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH